

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Giáo dục chính trị

Mã ngành: 7140205

Tên tiếng Anh: Politics Teacher Education

Tên các chuyên ngành:

Loại hình đào tạo: Chính quy

Hình thức đào tạo: Tập trung

Bình Định, 2020

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 178/QĐ-ĐHQN ngày 21 tháng 8 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Quy Nhơn)*

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Giáo dục chính trị

Mã ngành: 7140205

Tên tiếng Anh: Politics Teacher Education

Tên các chuyên ngành:

Loại hình đào tạo: Chính quy

Hình thức đào tạo: Tập trung

1. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo cử nhân Giáo dục chính trị được kế thừa từ chương trình đào tạo Giáo dục chính trị trước đó và được bổ sung, phát triển theo hướng phát huy tối đa năng lực của người học cùng với nội dung đào tạo toàn diện để đáp ứng với yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông và có năng lực học tập suốt đời. Chương trình đào tạo cử nhân Giáo dục chính trị đào tạo cử nhân có kiến thức vững vàng về khoa học cơ bản và khoa học giáo dục; có phẩm chất chính trị, đạo đức; có năng lực thực hành nghề nghiệp đáp ứng các chuẩn về nghề nghiệp dạy học Giáo dục chính trị, Giáo dục công dân phù hợp với nội dung đổi mới phương pháp dạy học ở trường phổ thông hiện nay đáp ứng được yêu cầu xã hội trong bối cảnh mới. Cử nhân ngành Giáo dục chính trị sau khi tốt nghiệp có khả năng làm tốt công tác giảng dạy, giáo dục ở các trường THPT, Trung học cơ sở và Trung học chuyên nghiệp; có khả năng nghiên cứu khoa học chuyên ngành hoặc theo học các trình độ đào tạo cao hơn.

Chương trình đào tạo cử nhân Giáo dục chính trị được xây dựng theo hệ thống tín chỉ với 138 tín chỉ được chia thành 02 khối kiến thức: Kiến thức giáo dục đại cương và Khối kiến thức giáo dục chuyên ngành; trong đó chương trình được thiết kế bao gồm các học phần bắt buộc và các học phần tự chọn giúp sinh viên có nhiều lựa chọn các môn học phù hợp với nhu cầu của cá nhân. Tham gia giảng dạy chương trình cử nhân Giáo dục chính trị là đội ngũ giảng viên trình độ cao, có uy tín và giàu nhiệt huyết. Trường Đại học Quy Nhơn được biết đến là cái nôi của các ngành Sư phạm nói chung và Giáo dục chính trị nói riêng, đào tạo ra hàng nghìn giáo viên phục vụ công tác giáo dục ở khu vực Nam trung bộ và Tây Nguyên và nhiều tỉnh thành trên cả nước.

1.2. Thông tin chung về chương trình đào tạo

1. Tên chương trình	Giáo dục chính trị
2. Mã ngành đào tạo	7140205
3. Trường cấp bằng	Đại học Quy Nhơn
4. Tên gọi văn bằng	Cử nhân ngành Giáo dục chính trị
5. Trình độ đào tạo	Đại học
6. Số tín chỉ yêu cầu	138 (không kể các môn Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng – an ninh)
7. Khoa quản lý	Khoa Sư phạm
8. Hình thức đào tạo	Tập trung
9. Thời gian đào tạo	4 năm
10. Đối tượng tuyển sinh	Theo Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành (tại thời điểm tuyển sinh).
11. Thang điểm đánh giá	Theo Quy định đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ hiện hành của Trường Đại học Quy Nhơn.
12. Điều kiện tốt nghiệp	Theo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Quy định đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ hiện hành của Trường Đại học Quy Nhơn.
13. Vị trí việc làm	Sau khi tốt nghiệp, cử nhân ngành Giáo dục chính trị có thể đảm nhận các vị trí như: <ul style="list-style-type: none"> - Làm công tác giảng dạy tại các trường trung học phổ thông, các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp và dạy nghề; - Làm công tác nghiên cứu tại các viện, các trung tâm nghiên cứu; - Làm việc tại các cơ quan hành chính sự nghiệp các tổ chức chính trị xã hội, các cơ quan báo chí và xuất bản; - Tiếp tục học lên ở bậc thạc sĩ, tiến sĩ.
14. Học tập nâng cao trình độ	Theo học chuyên ngành thạc sĩ, tiến sĩ các ngành: Chính trị học, Triết học, Kinh tế chính trị, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Lý luận và phương pháp dạy học Giáo dục chính trị...

15. Chương trình tham khảo khi xây dựng	- Chương trình đào tạo ngành Giáo dục chính trị, Trường ĐH Sư phạm Hà Nội. - Chương trình đào tạo ngành Giáo dục chính trị, Trường ĐHSP Tp. Hồ Chí Minh. - Chương trình đào tạo ngành Giáo dục chính trị, Trường ĐHSP Huế.
16. Thời điểm cập nhật bản mô tả	Năm 2020

1.3. Triết lý giáo dục của Trường Đại học Quy Nhơn

Triết lý giáo dục của trường Đại học Quy Nhơn được chuyển tải vào chương trình đào tạo ngành Giáo dục chính trị

Chương trình đào tạo ngành Giáo dục chính trị			Triết lý giáo dục của ĐQN		
			Toàn diện	Khai phóng	Thực nghiệp
Kiến thức trong chương trình đào tạo	Khối kiến thức đại cương	Các học phần khoa học chính trị, pháp luật	X		
		Các học phần KHXX/KHTN-MT, KH Quản lý, Ngoại ngữ, Tin học		X	X
	Khối kiến thức cơ sở ngành	Các học phần lý thuyết (.....)	X	X	
		Các học phần thí nghiệm, thực hành			
	Khối kiến thức chuyên ngành	Các học phần lý thuyết (.....)	X	X	X
		Các học phần thí nghiệm, thực hành		X	X
		Các học phần thực tập, thực tế	X		
	Khóa luận/đồ án tốt nghiệp			X	
Hoạt động ngoại khóa	Nghiên cứu khoa học sinh viên		X	X	X
	Thi hùng biện, thiết kế mô hình, ý tưởng,			X	X
	Sinh viên tình nguyện (mùa hè xanh)		X	X	
	Hiến máu nhân đạo		X		
	Hoạt động vì người nghèo		X		
Chuẩn đầu ra của chương	PLO1	Hiểu được những kiến thức cơ bản của chủ nghĩa Mác- Lê nin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam; Pháp luật Việt Nam; Quốc phòng - An ninh để phục vụ trong	X		

trình đào tạo (PLOs)		cuộc sống và hoạt động nghề nghiệp.			
PLO2		Vận dụng được những kiến thức về Tâm lý học, Giáo dục học để tổ chức hoạt động dạy học Ngữ văn và hoạt động giáo dục ở trường phổ thông; vận dụng được những kiến thức về khởi nghiệp để phát triển nghề nghiệp dựa trên những thế mạnh của bản thân, tận dụng tốt mọi cơ hội việc làm.			X
PLO3		Vận dụng được những kiến thức cơ bản Khoa học xã hội và nhân văn để đáp ứng việc tiếp thu các kiến thức ngành và chuyên ngành Giáo dục chính trị.		X	X
PLO4		Vận dụng được những kiến thức chuyên môn: Chính trị học, Đạo đức học, Kinh tế học, Hệ thống pháp luật Việt Nam, Lí luận, Phương pháp và Văn hóa để giảng dạy và nghiên cứu môn Giáo dục chính trị, Giáo dục công dân ở trường phổ thông.		X	X
PLO5		Vận dụng, phân tích, đánh giá được những kiến thức chuyên sâu của ngành Giáo dục chính trị để phát triển kiến thức mới và có thể tiếp tục học tập ở trình độ đào tạo cao hơn.		X	X
PLO6		Vận dụng được các phương pháp dạy học bộ môn Giáo dục chính trị phù hợp với đối tượng người học; khai thác, phát triển được học liệu, phương tiện dạy học hiệu quả để xử lý tốt các tình huống dạy học, giáo dục; vận dụng được những kiến thức cơ bản về nghiên cứu khoa học để tiến hành các hoạt động nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng trong lĩnh vực chuyên môn.		X	X

	PLO7	Vận dụng được những kiến thức về kiểm tra, đánh giá nhằm đánh giá được trình độ nhận thức, năng lực của người học để lựa chọn mức độ kiến thức, kỹ năng, phương pháp giáo dục cho phù hợp góp phần nâng cao chất lượng dạy học.		X	X
	PLO8	Truyền đạt kiến thức rõ ràng, dễ hiểu; có tư duy sáng tạo; có khả năng phát hiện và giải quyết những tình huống xảy ra trong giảng dạy; có khả năng thuyết trình, phân biện; có khả năng làm việc nhóm.	X	X	X
	PLO9	Ứng dụng được công nghệ thông tin cơ bản trong hoạt động chuyên môn, giáo dục; sử dụng được tiếng Anh ở trình độ tương đương bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam.		X	X
	PLO10	Có các kỹ năng: đọc hiểu văn bản; phân tích, bình giảng tác phẩm văn học với yêu cầu phát triển tư duy phân biện; có kỹ năng tranh luận về những vấn đề tồn tại các quan điểm trái ngược nhau, có văn hóa tranh luận phù hợp và có cá tính trong tranh luận một cách tự tin, có sức thuyết phục; kỹ năng tạo tình huống và giải quyết tình huống có vấn đề trong dạy học để tổ chức tốt hoạt động dạy học Giáo dục chính trị, Giáo dục công dân nhằm đáp ứng được yêu cầu đổi mới trong giáo dục ở trường phổ thông.		X	X
	PLO11	Thiết kế được bài giảng cho từng nhóm đối tượng người học khác nhau một cách linh hoạt và sáng tạo; sử dụng được đa phương tiện trong dạy học để tăng cường hoạt động giảng dạy và giáo dục; tổ chức được các hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong môi trường giáo dục đa văn hóa để phát triển ở học sinh năng lực thích ứng		X	X

		với cuộc sống, năng lực thiết kế và tổ chức hoạt động, năng lực định hướng nghề nghiệp.			
	PLO12	Có kỹ năng làm công tác chủ nhiệm ở tất cả các bậc học trong hệ thống giáo dục quốc dân để nâng cao công tác giáo dục và đạo đức, lối sống cho học sinh; có kỹ năng tư vấn học đường để góp phần giáo dục tích cực cho từng cá nhân, nâng cao kỹ năng sống, thái độ sống đem đến sự tự tin cho người học trong học tập và các hoạt động lợi ích khác của nhà trường trong chương trình phát triển toàn diện trường học.	x	x	x
	PLO13	Có đạo đức chuẩn mực của người giáo viên, gương mẫu trong công tác; yêu nước, trung thực, nhân ái, yêu học sinh, yêu nghề và có trách nhiệm với nghề, với xã hội; hiểu và thực hiện đúng các quy định về đạo đức nhà giáo, quy chế dân chủ ở trường phổ thông.	x	x	x
	PLO14	Có năng lực tự chủ, tự học và tự nghiên cứu; có năng lực làm việc độc lập và hợp tác làm việc theo nhóm phù hợp với hoàn cảnh và tình huống thực tiễn, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; có tinh thần hội nhập và ý thức công dân toàn cầu.		x	x

1.4. Mục tiêu của chương trình đào tạo (ký hiệu: POs)

1.4.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân ngành Giáo dục chính trị, Giáo dục công dân ở trường phổ thông có kiến thức tốt về khoa học cơ bản và khoa học giáo dục; có phẩm chất chính trị và có sức khỏe tốt; có kỹ năng sư phạm; có khả năng tự học, tự nghiên cứu; có khả năng thích nghi với môi trường làm việc để giảng dạy hiệu quả bộ môn Giáo dục chính trị, Giáo dục công dân ở các bậc học học trong hệ thống giáo dục Việt Nam, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông hiện nay.

1.4.2. Mục tiêu cụ thể

Mục tiêu cụ thể của Chương trình Cử nhân Giáo dục chính trị bao gồm:

- Về kiến thức

PO1: Trang bị cho sinh viên những kiến thức chung về chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và kiến thức đại cương để rèn luyện phẩm chất chính trị và học tập suốt đời; trang bị những kiến thức khởi nghiệp để sinh viên sau khi ra trường có thể thích ứng với mọi cơ hội việc làm; cung cấp cho sinh viên những kiến thức về giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng - an ninh để chăm sóc sức khỏe cá nhân, cộng đồng và bảo vệ tổ quốc.

PO2: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Đạo đức học và giáo dục đạo đức, Quản lý kinh tế, Chính trị học, Lịch sử triết học, Kinh tế học, Hệ thống pháp luật Việt Nam, Toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, Học thuyết kinh tế Mác - Lênin và sự vận dụng ở Việt Nam, Những vấn đề lý luận và thực tiễn về sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Việt Nam để người học đủ năng lực chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm, phương pháp dạy học môn Giáo dục chính trị; đồng thời đảm bảo được yêu cầu đổi mới mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức dạy và học, kiểm tra đánh giá kết quả dạy học môn Giáo dục chính trị, Giáo dục công dân ở trường phổ thông, đáp ứng yêu cầu phát triển giáo dục phổ thông về quy mô, chất lượng, hiệu quả.

PO3: Trang bị cho sinh viên những kiến thức về lý luận và thực tiễn dạy học Giáo dục chính trị, Giáo dục công dân ở các bậc học trong hệ thống giáo dục Việt Nam để đáp ứng yêu cầu của việc giảng dạy và giáo dục môn Giáo dục chính trị, Giáo dục công dân ở nhà trường.

- Về kỹ năng

PO4: Trang bị cho sinh viên kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Anh hay các ngoại ngữ tương đương đạt năng lực ngoại ngữ bậc 3 theo khung 6 bậc của Bộ GD&ĐT và kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản một cách hiệu quả trong giảng dạy để nâng cao chất lượng giáo dục.

PO5: Trang bị cho sinh viên kỹ năng giảng dạy, kỹ năng chủ nhiệm lớp, kỹ năng giao tiếp sư phạm, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề, kỹ năng tư duy phản biện, sáng tạo, kỹ năng thuyết trình và kỹ năng nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực giáo dục để thực hiện tốt các công việc của một giáo viên.

- Về mức tự chủ và trách nhiệm

PO6: Hình thành cho sinh viên các phẩm chất cơ bản của người giáo viên: yêu học sinh, yêu nghề, có ý thức trách nhiệm cao, có đạo đức tốt, có tác phong mẫu mực để mỗi giáo viên thực sự là những tấm gương sáng góp phần hình thành nhân cách cho người học.

PO7: Hình thành cho sinh viên ý thức tự học, tự nghiên cứu để phát huy được tính chủ động tích cực, tính tự giác, tính độc lập trong việc hoàn thành các nhiệm vụ học tập. Đồng thời tạo ra nội lực của người học nhằm đáp ứng yêu cầu của việc nâng cao chất lượng và hiệu quả dạy học.

1.5. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (ký hiệu: PLOs)

Chương trình được thiết kế để đảm bảo sinh viên tốt nghiệp đạt được chuẩn đầu ra sau:

1.5.1. Về Kiến thức

+ Kiến thức chung

1) PLO1: Hiểu được những kiến thức cơ bản của chủ nghĩa Mác- Lê nin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam; Pháp luật Việt Nam; Quốc phòng - An ninh để phục vụ trong cuộc sống và hoạt động nghề nghiệp.

2) PLO2: Vận dụng được những kiến thức về Tâm lý học, Giáo dục học để tổ chức hoạt động dạy học Giáo dục chính trị, Giáo dục công dân và hoạt động giáo dục ở trường phổ thông; vận dụng được những kiến thức về khởi nghiệp để phát triển nghề nghiệp dựa trên những thế mạnh của bản thân, tận dụng tốt mọi cơ hội việc làm.

+ Kiến thức chuyên môn

3) PLO3: Vận dụng được những kiến thức cơ bản Khoa học xã hội và nhân văn để đáp ứng việc tiếp thu các kiến thức ngành và chuyên ngành Giáo dục chính trị, Giáo dục công dân.

4) PLO4: Vận dụng được những kiến thức chuyên môn: Chính trị học, Đạo đức học, Kinh tế học, Hệ thống pháp luật Việt Nam, Lí luận, Phương pháp và Văn hóa để giảng dạy và nghiên cứu môn Giáo dục chính trị, Giáo dục công dân ở trường phổ thông.

5) PLO5: Vận dụng, phân tích, đánh giá được những kiến thức chuyên sâu của ngành Giáo dục chính trị, để phát triển kiến thức mới và có thể tiếp tục học tập ở trình độ đào tạo cao hơn.

6) PLO6: Vận dụng được các phương pháp dạy học bộ môn Giáo dục chính trị, Giáo dục công dân phù hợp với đối tượng người học; khai thác, phát triển được học liệu, phương tiện dạy học hiệu quả để xử lý tốt các tình huống dạy học, giáo dục; vận dụng được những kiến thức cơ bản về nghiên cứu khoa học để tiến hành các hoạt động nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng trong lĩnh vực chuyên môn.

7) PLO7: Vận dụng được những kiến thức về kiểm tra, đánh giá nhằm đánh giá được trình độ nhận thức, năng lực của người học để lựa chọn mức độ kiến thức, kỹ năng, phương pháp giáo dục cho phù hợp góp phần nâng cao chất lượng dạy học.

1.5.2. Về kỹ năng

+ Kỹ năng chung

8) PLO8: Truyền đạt kiến thức rõ ràng, dễ hiểu; có tư duy sáng tạo; có khả năng phát hiện và giải quyết những tình huống xảy ra trong giảng dạy; có khả năng thuyết trình, phản biện; có khả năng làm việc nhóm.

9) PLO9: Ứng dụng được công nghệ thông tin cơ bản trong hoạt động chuyên môn, giáo dục; sử dụng được tiếng Anh ở trình độ tương đương bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam.

+ Kỹ năng chuyên môn

10) PLO10: Có các kỹ năng: đọc hiểu văn bản; phân tích, giảng dạy môn Giáo dục chính trị, Giáo dục công dân với yêu cầu phát triển tư duy phản biện; có kỹ năng tranh luận về những

vấn đề tồn tại các quan điểm trái ngược nhau, có văn hóa tranh luận phù hợp và có cá tính trong tranh luận một cách tự tin, có sức thuyết phục; kỹ năng tạo tình huống và giải quyết tình huống có vấn đề trong dạy học để tổ chức tốt hoạt động dạy học Giáo dục chính trị, Giáo dục công dân nhằm đáp ứng được yêu cầu đổi mới trong giáo dục ở trường phổ thông.

11) PLO11: Thiết kế được bài giảng cho từng nhóm đối tượng người học khác nhau một cách linh hoạt và sáng tạo; sử dụng được đa phương tiện trong dạy học để tăng cường hoạt động giảng dạy và giáo dục; tổ chức được các hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong môi trường giáo dục đa văn hóa để phát triển ở học sinh năng lực thích ứng với cuộc sống, năng lực thiết kế và tổ chức hoạt động, năng lực định hướng nghề nghiệp.

12) PLO12: Có kỹ năng làm công tác chủ nhiệm ở tất cả các bậc học trong hệ thống giáo dục quốc dân để nâng cao công tác giáo dục và đạo đức, lối sống cho học sinh; có kỹ năng tư vấn học đường để góp phần giáo dục tích cực cho từng cá nhân, nâng cao kỹ năng sống, thái độ sống đem đến sự tự tin cho người học trong học tập và các hoạt động lợi ích khác của nhà trường trong chương trình phát triển toàn diện trường học.

1.5.3. Về mức tự chủ và trách nhiệm

13) PLO13: Có đạo đức chuẩn mực của người giáo viên, gương mẫu trong công tác; yêu nước, trung thực, nhân ái, yêu học sinh, yêu nghề và có trách nhiệm với nghề, với xã hội; hiểu và thực hiện đúng các quy định về đạo đức nhà giáo, quy chế dân chủ ở trường phổ thông.

14) PLO14: Có năng lực tự chủ, tự học và tự nghiên cứu; có năng lực làm việc độc lập và hợp tác làm việc theo nhóm phù hợp với hoàn cảnh và tình huống thực tiễn, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; có tinh thần hội nhập và ý thức công dân toàn cầu.

Ma trận mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo PLOs

Mục tiêu (POs)	Chuẩn đầu ra (PLOs)													
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
PO1	x	x	x											
PO2			x	x	x	x	x	x		x	x			
PO3				x	x	x	x	x		x	x			
PO4									x		x			x
PO5								x		x	x	x		
PO6												x	x	
PO7						x								x

1.6. Phương pháp giảng dạy - học tập và phương pháp đánh giá

1.6.1. Phương pháp giảng dạy - học tập

1.6.1.1. Chuẩn bị của giảng viên

+ Giảng viên nghiên cứu mục tiêu đào tạo của chương trình, khung chương trình, học phần để xác lập mục tiêu, lựa chọn nội dung, phương pháp để tổ chức dạy học đạt hiệu quả cao.

+ Giảng viên chuẩn bị đầy đủ: tập bài giảng và trang thiết bị cần thiết phục vụ giảng dạy. Tập bài giảng phải thể hiện rõ được mục tiêu, nội dung, phương pháp, phương tiện, kỹ năng, trình tự, nội dung giảng dạy. Mục tiêu của mỗi tiết học, nội dung giảng dạy phải phù hợp với mục tiêu chung của học phần (khối kiến thức), chuẩn kiến thức, kỹ năng, phù hợp với chương trình đào tạo. Nội dung kiến thức trong tập bài giảng phải thống nhất với nội dung kiến thức của đề cương chi tiết bài giảng đã được thông qua tại Hội đồng Khoa và được Hiệu trưởng phê duyệt. Nội dung học tập phải gắn với mục tiêu giảng dạy và chương trình đào tạo.

+ Phương pháp giảng dạy được sử dụng phải phù hợp với nội dung kiến thức cần truyền đạt và phù hợp với đối tượng người học, kết hợp nhiều phương pháp dạy học khác nhau trong một học phần.

1.6.1.2 Các phương pháp giảng dạy - học tập

Các phương pháp giảng dạy - học tập được sử dụng trong chương trình đào tạo cụ thể như sau:

- Phương pháp dạy học trực tiếp

Các phương pháp dạy học trực tiếp gồm:

1. Thuyết giảng (Lecture)
2. Tham luận (Guest lecture)
3. Giải thích cụ thể (Explicit Teaching)

- Phương pháp dạy học gián tiếp

Các phương pháp giảng dạy gián tiếp gồm:

1. Câu hỏi gợi mở (Inquiry)
2. Giải quyết vấn đề (Problem Solving)
3. Học theo tình huống (Case Study)

- Học trải nghiệm

Các phương pháp dạy học trải nghiệm gồm:

1. Thực tế, thực tập (Teaching Practicum)
2. Mô hình (Models)

- Dạy học tương tác

Các phương pháp dạy học tương tác gồm:

1. Thảo luận (Discussion)
2. Học nhóm (Peer Learning)
3. Tranh luận (Debates)

- Tự học

Phương pháp tự học chủ yếu là làm bài tập ở nhà (Work Assignment).

Mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra (PLOs) và phương pháp giảng dạy - học tập

Phương pháp giảng dạy- học tập	Chuẩn đầu ra (PLOs)													
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
I. Dạy trực tiếp														
1. Thuyết giảng	x	x	x	x	x	x	x		x	x		x	x	x
2. Tham luận											x	x	x	x
3. Giải thích cụ thể	x	x	x	x	x	x	x		x	x		x	x	x
II. Dạy gián tiếp														
4. Câu hỏi gợi mở	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		x
5. Giải quyết vấn đề	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		x
6. Học theo tình huống			x	x	x	x		x		x		x		x
III. Học trải nghiệm														
7. Thực tế, thực tập			x	x	x	x		x		x	x	x	x	x
8. Mô hình				x		x		x	x		x	x		
IV. Dạy học tương tác														
9. Thảo luận	x	x	x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	
10. Học nhóm			x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	
11. Tranh luận	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	
V. Tự học														
12. Bài tập ở nhà			x	x	x	x	x		x	x	x			x

1.6.1.3. Cải tiến nâng cao chất lượng dạy học

- Chương trình đào tạo được định kỳ rà soát định kỳ 2 năm/1 lần để điều chỉnh cho tốt hơn, và có tham khảo ý kiến của các bên liên quan;

- Mỗi học kỳ, các bộ môn và Khoa tổ chức nhiều buổi seminar để trao đổi chia sẻ kiến thức, phương pháp giảng dạy, nâng cao năng lực của GV;

- Thường xuyên lấy ý kiến phản hồi của SV về phẩm chất, năng lực, tâm đức, trách nhiệm của GV trong quá trình dạy học.

1.6.2. Phương pháp đánh giá

1.6.2.1 Thang điểm đánh giá

- Thang điểm 10 được sử dụng để đánh giá học phần bao gồm các điểm thành phần, điểm thi cuối kỳ và điểm học phần. Điểm học phần bằng tổng các điểm thành phần nhân với trọng số tương ứng. Thang điểm chữ dùng để phân loại, kết quả học dựa trên điểm học phần.

- Thang điểm 4 được dùng khi tính điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy để đánh giá kết quả học tập của sinh viên sau mỗi học kỳ và cho điểm tổng kết quả học tập của sinh viên.

Bảng hệ thống thang điểm

Phân loại	Thang điểm 10	Thang điểm chữ	Thang điểm 4
Đạt	Từ 9.5 đến 10	A+	4.0
	Từ 8.5 đến 9.4	A	4.0
	Từ 8.0 đến 8.4	B+	3.5
	Từ 7.0 đến 7.9	B	3.0
	Từ 6.5 đến 6.9	C+	2.5
	Từ 5.5 đến 6.4	C	2
	Từ 5.0 đến 5.4	D+	1.5
	Từ 4.0 đến 4.9	D	1
Không đạt	Nhỏ hơn 4.0	F	0

1.6.2.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

a. Học phần lý thuyết

STT	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Trọng số
1	Chuyên cần	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Thời gian tham dự buổi học bắt buộc. Tùy số tiết vắng, GV quyết định số điểm theo tỷ lệ vắng	10%
2	Quá trình	* <i>Bài tập về nhà</i> : Bài làm đúng và đầy đủ. * <i>Bài tập tại lớp</i> : Bài làm đúng, thể hiện được quan điểm cá nhân * <i>Bài thuyết trình</i> : Mức độ chuẩn bị, nội dung kiến thức, kỹ năng truyền đạt. * <i>Bài kiểm tra viết</i> : Bài làm đúng, căn cứ vào đáp án để đánh giá. * <i>Thảo luận, hoạt động nhóm</i> : Mức độ chuẩn bị, nội dung kiến thức, kỹ năng truyền đạt, sôi nổi, thể hiện được quan điểm cá nhân.	20%
3	Cuối kỳ	* <i>Bài thi viết</i> : Bài làm đúng, căn cứ vào đáp án để đánh giá. * <i>Bài thuyết trình</i> : Mức độ chuẩn bị, nội dung thông tin, kỹ năng truyền đạt. * <i>Bài thi vấn đáp</i> : Bài làm đúng, nội dung kiến thức, kỹ năng truyền đạt, thể hiện được quan điểm cá nhân.	70%

- b. Học phần thí nghiệm - thực hành
- c. Học phần đồ án môn học
- d. Học phần khóa luận/đồ án tốt nghiệp

Thực hiện theo Quy định đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 1241/QĐ-ĐHQN ngày 15/5/2014 của Trường Đại học Quy Nhơn

1.6.2.3. Phương pháp đánh giá

Phương pháp đánh giá được sử dụng trong chương trình đào tạo ngành Giáo dục chính trị được chia thành 2 loại chính: Đánh giá tiến trình (Formative Assessment) và Đánh giá tổng kết (Summative Assessment).

Diễn giải để mô tả các phương pháp đánh giá như trong bảng:

Ma trận quan hệ giữa phương pháp đánh giá và chuẩn đầu ra (PLOs)

Phương pháp đánh giá	Chuẩn đầu ra (PLOs)													
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
I. Đánh giá tiến trình														
1. Đánh giá chuyên cần	x	x	x	x	x	x		x		x	x		x	x
2. Đánh giá bài tập	x	x	x	x	x	x	x		x	x	x			x
3. Đánh giá thuyết trình			x	x	x		x		x	x	x			
II. Đánh giá tổng kết														
4. Kiểm tra viết	x	x	x	x	x	x			x	x	x			
5. Kiểm tra trắc nghiệm	x	x	x	x						x	x	x		
6. Thi vấn đáp				x		x		x		x	x			
7. Báo cáo				x		x		x	x	x	x		x	
8. Đánh giá thuyết trình						x		x		x	x	x		
9. Đánh giá làm việc nhóm			x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

2. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

2.1. Cấu trúc chương trình dạy học

STT	Khối kiến thức, số tín chỉ	Số tín chỉ	
		Bắt buộc	Tự chọn
1	Khối kiến thức giáo dục đại cương	24	
1.1.	Khoa học chính trị và pháp luật	13	
1.2.	Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng - AN	12	
1.3	Ngoại ngữ	7	
1.4	Khởi nghiệp, Kỹ năng giao tiếp	4	
2	Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	108	
2.1	Khối kiến thức cơ sở ngành và khối ngành	30	
2.2	Khối kiến thức ngành và chuyên ngành	41	06
2.3	Khối kiến thức bổ trợ	31	
2.4	Khóa luận tốt nghiệp, học phần thay thế	6	
Tổng:		[132]	[06]
		[138]	

- *Khối kiến thức giáo dục đại cương gồm 35 học phần (kể các học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục QP- AN*

Khối kiến thức đại cương giúp người học có kiến thức vững chắc về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật, tư tưởng Hồ Chí Minh; Có sức khỏe tốt, có khả năng đánh giá và phân tích được các vấn đề an ninh, quốc phòng và có ý thức bảo vệ độc lập chủ quyền của đất nước, giữ gìn tình hữu nghị giữa các dân tộc và bảo vệ hòa bình của thế giới; Có khả năng vận dụng các kiến thức toán học vào trong thực tế và có kiến thức tốt về ngoại ngữ trong giao tiếp; Có tư duy phân biện, kỹ năng giao tiếp và có khả năng làm việc độc lập; Có những hiểu biết cơ bản về đạo đức nghề nghiệp và khả năng khởi nghiệp của một người cán bộ khoa học.

- *Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp gồm 30 học phần: (27 học phần bắt buộc và 3 học phần tự chọn)*

Giúp cho người học có những kiến thức vững chắc và chuyên sâu về khoa học chính trị. Khai thác, phát triển được học liệu, phương tiện dạy học hiệu quả để xử lý tốt các tình huống dạy học, giáo dục; vận dụng được những kiến thức cơ bản về nghiên cứu khoa học để tiến hành các hoạt động nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng trong lĩnh vực chuyên môn.; Có những hiểu biết căn bản và có khả năng vận dụng kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc liên quan đến lĩnh vực chính trị, giảng dạy. Có kỹ năng tốt về thuyết trình, chuyển tải phổ biến kiến thức đến người khác; Có tư duy phân biện và có lập luận, giải quyết các vấn đề;

Có khả năng làm việc độc lập và làm việc theo nhóm; Có đạo đức nghề nghiệp.

- Khối kiến thức bổ trợ gồm 18 học phần (16 học phần bắt buộc và 2 học phần tự chọn)

Giúp cho người học hiểu được, vận dụng được những kiến thức chuyên môn: Chính trị học, Đạo đức học, Kinh tế học, Hệ thống pháp luật Việt Nam, Lí luận, Phương pháp và Văn hóa để giảng dạy và nghiên cứu môn Giáo dục chính trị, Giáo dục công dân ở trường phổ thông. Có kỹ năng tranh luận về những vấn đề tồn tại các quan điểm trái ngược nhau, có văn hóa tranh luận phù hợp và có cá tính trong tranh luận một cách tự tin, có sức thuyết phục; kỹ năng tạo tình huống và giải quyết tình huống có vấn đề trong dạy học để tổ chức tốt hoạt động dạy học Giáo dục chính trị, Giáo dục công dân nhằm đáp ứng được yêu cầu đổi mới trong giáo dục ở trường phổ thông. Có khả năng đánh giá được chất lượng công việc và tự đưa ra kết luận chuyên môn, nghề nghiệp; Có năng lực lập kế hoạch, phát huy trí tuệ tập thể; Có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm tốt và có đạo đức nghề nghiệp

2.2. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các khối kiến thức vào việc đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Khối kiến thức		Số TC	Tỉ lệ	Chuẩn đầu ra PLOs													
				1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
1	Khối kiến thức giáo dục đại cương	24	17,3%														
1.1.	Khoa học chính trị và pháp luật	13	9,4%	H	M	-	-	-	-	M	M	-	-	-	-	M	L
1.2.	Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng - AN	12	8,6%	-	H	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	L	L
1.3	Ngoại ngữ	7	5%	M	-	L	-	-	-	-	L	H	-	-	-	-	-
1.4	Khởi nghiệp, Kỹ năng giao tiếp	4	2,8%	H	-	-	-	-	-	M	H	-	M	-	M	H	L
2	Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	114	82,6%														
2.1	Khối kiến thức cơ sở ngành và khối ngành	33	23,9%	M	-	H	H	-	-	-	H	-	H	-	H	-	-
2.2	Khối kiến thức ngành và chuyên ngành	44	31,8%	M	-	H	H	-	-	-	H	H	-	-	H	-	-
2.3	Khối kiến thức bổ trợ	31	22,4%	M	-	-	-	H	H	H	H	-	-	H	H	M	M
2.4	Khóa luận tốt nghiệp, học phần thay thế	6	4,3 %	-	-	M	M	H	H	H	L	H	H	M	M	L	L
Tổng		138	100%														

2.3. Danh sách các học phần

TT	Mã học phần	Tên học phần	Học kỳ	Số tín chỉ	Giờ trên lớp			TN/TH	Khác (TT, ĐA, BTL)	Giờ tự học	Mã HP học trước	Khoa quản lý học phần	Ghi chú
					LT	BT	TL						
I. Khối kiến thức giáo dục đại cương				27									
<i>I.1. Khoa học chính trị và pháp luật</i>				16									
01	1130293	Triết học Mác - Lênin	1	4	54		12		120			LLCT-Luật và QLNN	
02	1130294	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	3	40		10		90	1130293		LLCT-Luật và QLNN	
03	1130049	Pháp luật đại cương	2	2	27		6		57			LLCT-Luật và QLNN	
04	1130295	Chủ nghĩa xã hội khoa học	3	2	27		6		57	1130294		LLCT-Luật và QLNN	
05	1130296	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	4	3	40		10		90	1130295		LLCT-Luật và QLNN	
06	1130297	Tư tưởng Hồ Chí Minh	5	2	27		6		57	1130296		LLCT-Luật và QLNN	
<i>I.2. Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng-AN</i>				12									
<i>Giáo dục thể chất: Sinh viên chọn 01 trong 07 nhóm sau</i>				3									
07	1120172	Giáo dục thể chất 1 (Bóng đá 1)	1	1	4			26	21			GDTC-QP	
08	1120173	Giáo dục thể chất 2 (Bóng đá 2)	2	1	4			26	21	1120172		GDTC-QP	
09	1120174	Giáo dục thể chất 3 (Bóng đá 3)	3	1	4			26	21	1120173		GDTC-QP	
10	1120175	Giáo dục thể chất 1 (Bóng chuyên 1)	1	1	4			26	21			GDTC-QP	
11	1120176	Giáo dục thể chất 2 (Bóng chuyên 2)	2	1	4			26	21	1120175		GDTC-QP	
12	1120177	Giáo dục thể chất 3 (Bóng chuyên 3)	3	1	4			26	21	1120176		GDTC-QP	
13	1120178	Giáo dục thể chất 1 (Bóng rổ 1)	1	1	4			26	21			GDTC-QP	
14	1120179	Giáo dục thể chất 2 (Bóng rổ 2)	2	1	4			26	21	1120178		GDTC-QP	
15	1120180	Giáo dục thể chất 3 (Bóng rổ 3)	3	1	4			26	21	1120179		GDTC-QP	
16	1120181	Giáo dục thể chất 1 (Cầu lông 1)	1	1	4			26	21			GDTC-QP	
17	1120182	Giáo dục thể chất 2 (Cầu lông 2)	2	1	4			26	21	1120181		GDTC-QP	
18	1120183	Giáo dục thể chất 3 (Cầu lông 3)	3	1	4			26	21	1120182		GDTC-QP	
19	1120184	Giáo dục thể chất 1 (Võ cổ truyền Việt Nam 1)	1	1	4			26	21			GDTC-QP	
20	1120185	Giáo dục thể chất 2 (Võ cổ truyền Việt Nam 2)	2	1	4			26	21	1120184		GDTC-QP	
21	1120186	Giáo dục thể chất 3 (Võ cổ truyền Việt Nam 3)	3	1	4			26	21	1120185		GDTC-QP	
22	1120187	Giáo dục thể chất 1 (Võ Taekwondo 1)	1	1	4			26	21			GDTC-QP	
23	1120188	Giáo dục thể chất 2 (Võ	2	1	4			26	21	1120187		GDTC-QP	

		Taekwondo 2)											
24	1120189	Giáo dục thể chất 3 (Võ Taekwondo 3)	3	1	4			26		21	1120188	GDTC-QP	
25	1120190	Giáo dục thể chất 1 (Võ Karatedo 1)	1	1	4			26		21		GDTC-QP	
26	1120191	Giáo dục thể chất 2 (Võ Karatedo 2)	2	1	4			26		21	1120190	GDTC-QP	
27	1120192	Giáo dục thể chất 3 (Võ Karatedo 3)	3	1	4			26		21	1120191	GDTC-QP	
Giáo dục quốc phòng-AN			9										
28	1120168	Giáo dục quốc phòng-An ninh 1	2	3	37			8		82		GDTC-QP	
29	1120169	Giáo dục quốc phòng-An ninh 2	2	2	22			8		52		GDTC-QP	
30	1120170	Giáo dục quốc phòng-An ninh 3	2	2	14			16		44		GDTC-QP	
31	1120171	Giáo dục quốc phòng-An ninh 4	2	2	4			56		36		GDTC-QP	
I.3. Ngoại ngữ			7										
32	1090061	Tiếng Anh 1	1	3	30	15				90		Ngoại ngữ	
33	1090166	Tiếng Anh 2	2	4	40	20				120	1090061	Ngoại ngữ	
I.4. KHXH/Toán, KHTN - Môi trường, KH quân lý			4										
34	2030003	Kỹ năng giao tiếp	2	2	18		4	20		60		KHXH&N V	
35	1150422	Khởi nghiệp	5	2	20	5	10			55		TCNH&QTK D	
II. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			111										
II.1. Kiến thức cơ sở ngành và khối ngành			30										
36	1050242	Tin học cơ sở (Sư phạm)	1	3	30			30		75		CNTT	
37	1100086	Tâm lý học	2	3	30	10	10			85	1130293	KHXH&N V	
38	1100026	Giáo dục học	3	4	40	15	10			120	1100086	KHXH&N V	
39	1070023	Đại cương văn hóa Việt Nam	1	2	26		8			60		KHXH&N V	
40	1130322	Pháp luật kinh tế, đất đai, môi trường	2	2	30					60		LLCT- Luật&QL NN	
41	1130033	Lô gic học	3	2	25		10			50	1130293	LLCT- Luật&QL NN	
42	1130221	Mỹ học và giáo dục thẩm mỹ	1	2	30					60		LLCT- Luật&QL NN	
43	1060022	Dẫn luận ngôn ngữ và Tiếng Việt thực hành	1	2	30					60		KHXH&N V	
44	1100138	Xã hội học	2	2	25		10			90		KHXH&N V	
45	1130220	Đạo đức học và giáo dục đạo đức	1	2	30					60		LLCT- Luật&QL NN	
46	1130070	Quản lý kinh tế	3	2	30					60	1130294	LLCT- Luật&QL NN	
47	1130067	Quan hệ quốc tế	3	2	30					75	1130294	LLCT- Luật&QL NN	
48	1130323	Kĩ năng soạn thảo văn	3	2	30					60	1060022	LLCT-	

		bản															Luật&QL NN
II.2. Kiến thức ngành, chuyên ngành (nếu có)			41														
II.2.1. Kiến thức ngành			41														
II.2.1a. Phần bắt buộc			35														
49	1130112	Lịch sử triết học	3	3	30		30					60	1130293	LLCT- Luật&QL NN			
50	1130224	Hồ Chí Minh - nhà tư tưởng sáng tạo, nhà văn hóa kiệt xuất	5	3	30		30					75	1130296	LLCT- Luật&QL NN			
51	1130324	Chính trị học	4	3	40		10					60	1130293	LLCT- Luật&QL NN			
52	1130027	Lịch sử các học thuyết kinh tế	4	2	30							60	1130294	LLCT- Luật&QL NN			
53	1130032	Lịch sử tư tưởng XHCN	4	2	30							60	1130295	LLCT- Luật&QL NN			
54	1130328	Giáo dục giới và bình đẳng giới	6	3	42		6					75	1130112	LLCT- Luật&QL NN			
55	1130021	Kinh tế học	7	2	30							60	1130070	LLCT- Luật&QL NN			
56	1130330	Kinh tế chính trị học- những vấn đề lí luận và thực tiễn ở Việt Nam hiện nay	7	3	30		30					75	1130294	LLCT- Luật&QL NN			
57	1130325	Giáo dục thể giới quan duy vật biện chứng và phương pháp luận biện chứng duy vật	4	2	20		20					60	1130112	LLCT- Luật&QL NN			
58	1130222	Học thuyết kinh tế Mác - Lênin và sự vận dụng ở Việt Nam	6	3	30		30					75	1130294	LLCT- Luật&QL NN			
59	1130329	Toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế	6	2	27		6					60	1130027	LLCT- Luật&QL NN			
60	1130331	Những vấn đề lí luận và thực tiễn về sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Việt Nam	7	2	30							60	1130296	LLCT- Luật&QL NN			
61	1130327	Hiến pháp và các luật tổ chức bộ máy nhà nước	5	3	42		6					75	1130049	LLCT- Luật&QL NN			
62	1130155	Hệ thống chính trị Việt Nam hiện nay.	5	2	30							60	1130324	LLCT- Luật&QL NN			
II.2.1b. Phần tự chọn			6														
Chọn 01 trong 03 học phần sau			2														
63	1130326	Vấn đề dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam	4	2	30							60	1130295	LLCT- Luật&QL NN			
64	1130151	Nhân học và triết học về con người	4	2	30							60	1130293	LLCT- Luật&QL NN			

65	1130152	Đại cương khoa học lãnh đạo, quản lý	4	2	30					60	1130070	LLCT- Luật&QL NN
<i>Chọn 01 trong 03 học phần sau</i>				2								
66	1130153	Thế chế chính trị thế giới đương đại	5	2	30					60	1130324	LLCT- Luật&QL NN
67	1130031	Lịch sử tư tưởng phương Đông và Việt nam	5	2	30					60	1070023	LLCT- Luật&QL NN
68	1130160	Tác phẩm của Hồ Chí Minh và các lãnh tụ Đảng CSVN	5	2	30					60	1130296	LLCT- Luật&QL NN
<i>Chọn 01 trong 03 học phần sau</i>				2								
69	1130332	Pháp luật dân sự, lao động, hôn nhân và gia đình	7	2	30					60	1130049	LLCT- Luật&QL NN
70	1130161	Lịch sử nhà nước và pháp luật Việt Nam	7	2	27		6			60	1130049	LLCT- Luật&QL NN
71	1130162	Pháp luật quốc tế	7	2	30					60	1130049	LLCT- Luật&QL NN
II.3. Kiến thức bổ trợ				34								
II.3.1. Đào tạo, rèn luyện nghiệp vụ, kỹ năng nghề nghiệp				27								
72	2010026	Lý luận dạy học Chính trị - GDCD 1	4	3	45					90	1100026	Sư phạm
73	2010027	Lý luận dạy học Chính trị - GDCD 2	5	2	30					60	2010026	Sư phạm
74	1130227	Phương pháp dạy học Chính trị - GDCD 1	5	3	45					90	2010026	Sư phạm
75	1130228	Phương pháp dạy học Chính trị - GDCD 2	6	3	45					90	1130227	Sư phạm
76	1130229	Phương pháp dạy học Chính trị - GDCD 3	6	3	45					90	1130027	Sư phạm
77	2010028	Giáo dục kỹ năng sống	6	2	30					60	1130221	KHXH&N V
78	1130230	Các phương pháp tích cực trong dạy học Chính trị - GDCD	7	2	30						2010026	Sư phạm
79	1130231	Quản lý nhà nước về Giáo dục - Đào tạo	7	2	20		20			50	1130027	LLCT- Luật&QL NN
80	1130131	Rèn luyện nghiệp vụ SP 1	6	2				60		60	2010026	Sư phạm
81	2010029	Rèn luyện nghiệp vụ SP 2	7	3				90		90	1130131	Sư phạm
82	1100191	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục	3	2	30					60	1130293	Sư phạm
II.3.2. Thực tập nghề nghiệp, thực tập tốt nghiệp				7								
83	1130085	Thực tập sư phạm 1	7	1					TT			Sư phạm
84	1130086	Thực tập sư phạm 2	8	5					TT			Sư phạm
85	1130087	Thực tế chuyên môn	4	1					TT		1100191	Sư phạm
II.4. Khóa luận tốt nghiệp, học phần thay thế				6								

86	2010030	Khóa luận tốt nghiệp	8	6						KL						Sư phạm
Học phần thay thế				6												
87	2010031	Dạy học tích hợp trong môn GDCD ở trường phổ thông	8	2	30						75	1130229				Sư phạm
Chọn 01 trong 02 học phần sau:				2												
88	1130233	Xây dựng thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam hiện nay	8	2	27		6				60	1130222				LLCT-Luật&QL NN
89	1130235	Đảng lãnh đạo sự nghiệp đổi mới – thực tiễn và nhận thức lý luận	8	2	20		20				60	1130331				LLCT-Luật&QL NN
Chọn 01 trong 02 học phần sau:				2												
90	1130361	Giáo dục pháp luật ở trường phổ thông	8	2	20		20				60	1130229				LLCT-Luật&QL NN
91	1130238	Hồ Chí Minh với công tác giáo dục	8	2	20		20				60	1130224				LLCT-Luật&QL NN
Tổng cộng:				138												

2.4. Sơ đồ chương trình giảng dạy

2.5. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo PLOs

STT	Mã HP	Tên HP	PLOs													
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
01	1130293	Triết học Mác - Lênin	H	M	-	-	-	-	M	M	-	-	-	-	M	L
02	1130294	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	H	M	-	-	-	-	M	M	-	-	-	-	M	L
03	1130049	Pháp luật đại cương	H	M	-	-	-	-	M	M	-	-	-	-	M	L
04	1130295	Chủ nghĩa xã hội khoa học	H	M	-	-	-	-	M	M	-	-	-	-	M	L
05	1130296	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	H	M	-	-	-	-	M	M	-	-	-	-	M	L
06	1130297	Tư tưởng Hồ Chí Minh	H	M	-	-	-	-	M	M	-	-	-	-	M	L
07	1120172	Giáo dục thể chất 1 (Bóng đá 1)	-	H	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	L	L
08	1120173	Giáo dục thể chất 2 (Bóng đá 2)	-	H	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	L	L
09	1120174	Giáo dục thể chất 3 (Bóng đá 3)	-	H	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	L	L
10	1120175	Giáo dục thể chất 1 (Bóng chuyên 1)	-	H	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	L	L
11	1120176	Giáo dục thể chất	-	H	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	L	L

		2 (Bóng chuyên 2)															
12	1120177	Giáo dục thể chất 3 (Bóng chuyên 3)	-	H	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	L	L
13	1120178	Giáo dục thể chất 1 (Bóng rổ 1)	-	H	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	L	L
14	1120179	Giáo dục thể chất 2 (Bóng rổ 2)	-	H	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	L	L
15	1120180	Giáo dục thể chất 3 (Bóng rổ 3)	-	H	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	L	L
16	1120181	Giáo dục thể chất 1 (Cầu lông 1)	-	H	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	L	L
17	1120182	Giáo dục thể chất 2 (Cầu lông 2)	-	H	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	L	L
18	1120183	Giáo dục thể chất 3 (Cầu lông 3)	-	H	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	L	L
19	1120184	Giáo dục thể chất 1 (Võ cổ truyền Việt Nam 1)	-	H	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	L	L
20	1120185	Giáo dục thể chất 2 (Võ cổ truyền Việt Nam 2)	-	H	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	L	L
21	1120186	Giáo dục thể chất 3 (Võ cổ truyền Việt Nam 3)	-	H	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	L	L
22	1120187	Giáo dục thể chất 1 (Võ Taekwondo 1)	-	H	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	L	L
23	1120188	Giáo dục thể chất 2 (Võ Taekwondo 2)	-	H	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	L	L
24	1120189	Giáo dục thể chất 3 (Võ Taekwondo 3)	-	H	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	L	L
25	1120190	Giáo dục thể chất 1 (Võ Karatedo 1)	-	H	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	L	L
26	1120191	Giáo dục thể chất 2 (Võ Karatedo 2)	-	H	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	L	L
27	1120192	Giáo dục thể chất 3 (Võ Karatedo 3)	-	H	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	L	L
28	1120168	Giáo dục quốc phòng-An ninh 1	-	H	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	L	L
29	1120169	Giáo dục quốc phòng-An ninh 2	-	H	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	L	L
30	1120170	Giáo dục quốc phòng-An ninh 3	-	H	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	L	L
31	1120171	Giáo dục quốc phòng-An ninh 4	-	H	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	L	L
32	1090061	Tiếng Anh 1	M	-	L	-	-	-	-	L	H	-	-	-	-	-	-
33	1090166	Tiếng Anh 2	M	-	L	-	-	-	-	L	H	-	-	-	-	-	-
34	2030003	Kỹ năng giao tiếp	H	-	-	-	-	-	M	H	-	M	-	M	H	L	
35	1150422	Khởi nghiệp	H	-	-	-	-	-	M	H	-	M	-	M	H	L	
36	1050242	Tin học cơ sở (Sư phạm)	M	-	H	H	-	-	-	H	-	H	-	H	-	-	
37	1100086	Tâm lý học	-	M	-	-	-	-	-	M	-	-	-	-	M	-	

38	1100026	Giáo dục học	-	L	-	-	-	-	-	M	-	-	-	-	M	-
39	1070023	Đại cương văn hóa Việt Nam	M	-	H	H	-	-	-	H	-	H	-	H	-	-
40	1130322	Pháp luật kinh tế, đất đai, môi trường	M	-	H	H	-	-	-	H	-	H	-	H	-	-
41	1130033	Lô gic học	M	-	H	H	-	-	-	H	-	H	-	H	-	-
42	1130221	Mỹ học và giáo dục thẩm mỹ	M	-	H	H	-	-	-	H	-	H	-	H	-	-
43	1060022	Dẫn luận ngôn ngữ và Tiếng Việt thực hành	M	-	H	H	-	-	-	H	-	H	-	H	-	-
44	1100138	Xã hội học	M	-	H	H	-	-	-	H	-	H	-	H	-	-
45	1130220	Đạo đức học và giáo dục đạo đức	M	-	H	H	-	-	-	H	-	H	-	H	-	-
46	1130070	Quản lý kinh tế	M	-	H	H	-	-	-	H	-	H	-	H	-	-
47	1130067	Quan hệ quốc tế	M	-	H	H	-	-	-	H	-	H	-	H	-	-
48	1130323	Kĩ năng soạn thảo văn bản	M	-	H	H	-	-	-	H	-	H	-	H	-	-
49	1130112	Lịch sử triết học	M	-	H	H	-	-	-	H	H	-	-	H	-	-
50	1130224	Hồ Chí Minh - nhà tư tưởng sáng tạo, nhà văn hóa kiệt xuất	M	-	H	H	-	-	-	H	H	-	-	H	-	-
51	1130324	Chính trị học	M	-	H	H	-	-	-	H	H	-	-	H	-	-
52	1130027	Lịch sử các học thuyết kinh tế	M	-	H	H	-	-	-	H	H	-	-	H	-	-
53	1130032	Lịch sử tư tưởng XHCN	M	-	H	H	-	-	-	H	H	-	-	H	-	-
54	1130328	Giáo dục giới và bình đẳng giới	M	-	H	H	-	-	-	H	H	-	-	H	-	-
55	1130021	Kinh tế học	M	-	H	H	-	-	-	H	H	-	-	H	-	-
56	1130330	Kinh tế chính trị học- những vấn đề lí luận và thực tiễn ở Việt Nam hiện nay	M	-	H	H	-	-	-	H	H	-	-	H	-	-
57	1130325	Giáo dục thể giới quan duy vật biện chứng và phương pháp luận biện chứng duy vật	M	-	H	H	-	-	-	H	H	-	-	H	-	-
58	1130222	Học thuyết kinh tế Mác – Lênin và sự vận dụng ở Việt Nam	M	-	H	H	-	-	-	H	H	-	-	H	-	-
59	1130329	Toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế	M	-	H	H	-	-	-	H	H	-	-	H	-	-
60	1130331	Những vấn đề lý luận và thực tiễn về sự lãnh đạo của Đảng đối	M	-	H	H	-	-	-	H	H	-	-	H	-	-

		với cách mạng Việt Nam														
61	1130327	Hiến pháp và các luật tổ chức bộ máy nhà nước	M	-	H	H	-	-	-	H	H	-	-	H	-	-
62	1130155	Hệ thống chính trị Việt Nam hiện nay	M	-	H	H	-	-	-	H	H	-	-	H	-	-
63	1130326	Vấn đề dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam	M	-	H	H	-	-	-	H	H	-	-	H	-	-
64	1130151	Nhân học và triết học về con người	M	-	H	H	-	-	-	H	H	-	-	H	-	-
65	1130152	Đại cương khoa học lãnh đạo, quản lý	M	-	H	H	-	-	-	H	H	-	-	H	-	-
66	1130153	Thể chế chính trị thế giới đương đại	M	-	H	H	-	-	-	H	H	-	-	H	-	-
67	1130031	Lịch sử tư tưởng phương Đông và Việt nam	M	-	H	H	-	-	-	H	H	-	-	H	-	-
68	1130160	Tác phẩm của Hồ Chí Minh và các lãnh tụ Đảng CSVN	M	-	H	H	-	-	-	H	H	-	-	H	-	-
69	1130332	Pháp luật dân sự, lao động, hôn nhân và gia đình	M	-	H	H	-	-	-	H	H	-	-	H	-	-
70	1130161	Lịch sử nhà nước và pháp luật Việt Nam	M	-	H	H	-	-	-	H	H	-	-	H	-	-
71	1130162	Pháp luật quốc tế	M	-	H	H	-	-	-	H	H	-	-	H	-	-
72	2010026	Lý luận dạy học Chính trị - GDCD 1	M	-	-	-	H	H	H	H	-	-	H	H	M	M
73	2010027	Lý luận dạy học Chính trị - GDCD 2	M	-	-	-	H	H	H	H	-	-	H	H	M	M
74	1130227	Phương pháp dạy học Chính trị - GDCD 1	M	-	-	-	H	H	H	H	-	-	H	H	M	M
75	1130228	Phương pháp dạy học Chính trị - GDCD 2	M	-	-	-	H	H	H	H	-	-	H	H	M	M
76	1130229	Phương pháp dạy học Chính trị - GDCD 3	M	-	-	-	H	H	H	H	-	-	H	H	M	M
77	2010028	Giáo dục Kỹ năng sống	M	-	-	-	H	H	H	H	-	-	H	H	M	M
78	1130230	Các phương pháp tích cực trong dạy học Chính trị - GDCD	M	-	-	-	H	H	H	H	-	-	H	H	M	M
79	1130231	Quản lý nhà nước về Giáo	M	-	-	-	H	H	H	H	-	-	H	H	M	M

		đục – Đào tạo														
80	1130131	Rèn luyện nghiệp vụ SP 1	M	-	-	-	H	H	H	H	-	-	H	H	M	M
81	2010029	Rèn luyện nghiệp vụ SP 2	M	-	-	-	H	H	H	H	-	-	H	H	M	M
82	1100191	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục	M	-	-	-	H	H	H	H	-	-	H	H	M	M
83	1130085	Thực tập sư phạm 1	M	-	-	-	H	H	H	H	-	-	H	H	M	M
84	1130086	Thực tập sư phạm 2	M	-	-	-	H	H	H	H	-	-	H	H	M	M
85	1130087	Thực tế chuyên môn	M	-	-	-	H	H	H	H	-	-	H	H	M	M
86	2010030	Khóa luận tốt nghiệp	-	-	M	M	H	H	H	L	H	H	M	M	L	L
87	2010031	Dạy học tích hợp trong môn GDCD ở trường phổ thông	-	-	M	M	H	H	H	L	H	H	M	M	L	L
88	1130233	Xây dựng thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam hiện nay	-	-	M	M	H	H	H	L	H	H	M	M	L	L
89	1130235	Đảng lãnh đạo sự nghiệp đổi mới – thực tiễn và nhận thức lý luận	-	-	M	M	H	H	H	L	H	H	M	M	L	L
90	1130361	Giáo dục pháp luật ở trường phổ thông	-	-	M	M	H	H	H	L	H	H	M	M	L	L
91	1130238	Hồ Chí Minh với công tác giáo dục	-	-	M	M	H	H	H	L	H	H	M	M	L	L
Tổng	138	100%														

Chú thích: L = Mức thấp; M = Mức trung bình; H = Mức cao

2.6. Mô tả tóm tắt các học phần

2.6.1. [1130293], [Triết học Mác - Lênin], [4 TC]

Khái quát hóa kiến thức về những vấn đề lý luận chung về triết học nói chung và triết học Mác– Lênin nói riêng, giới thiệu về lịch sử, điều kiện hình thành, những nội dung và vai trò chủ yếu của Triết học Mác – Lênin. Đặc biệt là các vấn đề về thế giới quan duy vật khoa học và phương pháp luận biện chứng hợp lý, đồng thời đặt ra yêu cầu vận dụng được thế giới quan duy vật vào việc giải quyết các vấn đề lịch sử - xã hội trong CN duy vật lịch sử. Trên cơ sở đó trang bị thế giới quan duy vật biện chứng và phương pháp luận biện chứng duy vật cho hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn của con người. Học phần còn giúp sinh viên hiểu biết về triết học Mác – Lênin trong thời đại ngày nay.

2.6.2. [1130294], [Kinh tế chính trị Mác-Lênin], [3 TC]

Nội dung học phần gồm 9 chương: Trong đó, chương 1 bàn về đối tượng, phương pháp

nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác – Lênin. Chương 2 trình bày về kinh tế thị trường và các quy luật kinh tế cơ bản của thị trường. Từ chương 3 đến chương 5 trình bày nội dung cốt lõi của kinh tế chính trị Mác – Lênin. Từ chương 6 đến chương 9 trình bày những vấn đề kinh tế chính trị của Việt Nam như: kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; lợi ích kinh tế; công nghiệp hóa, hiện đại hóa; hội nhập kinh tế quốc tế...

2.6.3. [1130049], [Pháp luật đại cương], [2 TC]

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật nói chung, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Pháp luật của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam nói riêng. Thông qua việc nghiên cứu Học phần, người học có nhận thức, quan điểm đúng đắn về đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, có những kiến thức cơ bản về Hệ thống pháp luật Việt Nam và hình thành kỹ năng tuân thủ, thi hành, sử dụng pháp luật, vận dụng pháp luật vào thực tiễn cuộc sống.

2.6.4. [1130295], [Chủ nghĩa xã hội khoa học], [2 TC]

Nội dung môn học gồm 7 chương trong đó Chương 1 trình bày những vấn đề cơ bản có tính nhập môn của CNXHKKH như quá trình hình thành và phát triển của CNXHKKH; đối tượng, phương pháp và ý nghĩa của việc nghiên cứu CNXH. Từ Chương 2 đến Chương 7 trình bày những nội dung cơ bản của CNXHKKH như Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên CNXH, Dân chủ XHCN và Nhà nước XHCN, Cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong TKQĐ lên CNXH, Vấn đề dân tộc, tôn giáo, gia đình...trong TKQĐ lên CNXH. Nghiên cứu, học tập CNXHKKH có ý nghĩa quan trọng, trang bị những nhận thức chính trị - xã hội và phương pháp luận khoa học về quá trình tất yếu lịch sử dẫn đến sự hình thành, phát triển hình thái kinh tế - xã hội CSCN, giải phóng con người, giải phóng xã hội... Từ đó sinh viên có thái độ chính trị, tư tưởng đúng đắn, phân tích đúng và đấu tranh chống lại những nhận thức sai lệch về CNXH và con đường đi lên CNXH ở nước ta.

2.6.5. [1130296], [Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam], [3 TC]

Học phần trang bị cho người học những hiểu biết cơ bản về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và quá trình Đảng lãnh đạo cách mạng Việt Nam qua các thời kỳ. Đó là: Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975); Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới' (sau 1975). Đồng thời hiểu được những bài học lớn về sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam qua các thời kì lịch sử.

2.6.6. [1130297], [Tư tưởng Hồ Chí Minh], [2TC]

Học phần gồm 6 chương cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về đối tượng, phương pháp nghiên cứu, ý nghĩa học tập môn Tư tưởng Hồ Chí Minh; về cơ sở, quá trình hình thành, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; về Đảng Cộng sản và nhà nước Việt Nam; về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; về văn hóa, đạo đức và con người. Đồng thời, chỉ ra sự vận dụng những nội dung đó của Đảng Cộng sản Việt Nam trong

cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và cách mạng xã hội chủ nghĩa, cũng như nêu ra những giá trị lý luận và thực tiễn của tư tưởng Hồ Chí Minh.

2.6.7. [1120172], [Giáo dục thể chất 1 (Bóng đá 1)], [1]

Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức về: Nguyên lý kỹ thuật tung bóng bằng đùi, đá bóng bằng lòng bàn chân, má trong bàn chân, kỹ thuật dẫn bóng, phương pháp rèn luyện các tố chất thể lực, một số điều luật của Bóng đá 5 người.

Bồi dưỡng những phẩm chất, ý chí trong tập luyện và thi đấu; Nâng cao sức khỏe và phát triển các tố chất thể lực; tăng cường tình hữu nghị, đoàn kết trong tập thể.

2.6.8. [1120173], [Giáo dục thể chất 1 (Bóng đá 2)], [1]

Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức về: Nguyên lý kỹ thuật tung bóng bằng mu chính diện, sút bóng bằng mu chính diện, sút bóng má trong bàn chân, kỹ thuật dẫn bóng, một số điều luật của Bóng đá 7 người, phương pháp phòng ngừa chấn thương trong tập luyện thể dục thể thao.

Bồi dưỡng những phẩm chất, ý chí trong tập luyện và thi đấu; Nâng cao sức khỏe và phát triển các tố chất thể lực; tăng cường tình hữu nghị, đoàn kết trong tập thể.

2.6.9. [1120174], [Giáo dục thể chất 1 (Bóng đá 3)], [1]

Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức về: Nguyên lý kỹ thuật đánh đầu bằng trán giữa, kỹ thuật ném biên, ôn tập các kỹ thuật đã học ở những học phần trước như các kỹ thuật sút bóng, dẫn bóng, tung bóng..., một số điều luật của Bóng đá 11 người, Lịch sử phát triển bóng đá của thế giới và Việt Nam.

Bồi dưỡng những phẩm chất, ý chí trong tập luyện và thi đấu; Nâng cao sức khỏe và phát triển các tố chất thể lực; tăng cường tình hữu nghị, đoàn kết trong tập thể.

2.6.10. [1120175], [Giáo dục thể chất 1 (Bóng chuyên 1)], [1]

Khái quát lịch sử phát triển, đặc điểm, tác dụng, luật thi đấu môn bóng chuyên. Các nguyên tắc về phương pháp tập luyện bóng chuyên, cách phòng ngừa và sơ cứu chấn thương trong tập luyện TĐTT. Trang bị cho sinh viên kỹ thuật di chuyển, đệm bóng [chuyên bóng thấp tay], chuyên bóng cao tay trước mặt, phát bóng cao tay và thấp tay, một số điều luật và phương pháp trọng tài bóng chuyên.

2.6.11. [1120176], [Giáo dục thể chất 1 (Bóng chuyên 2)], [1]

Giới thiệu Luật thi đấu môn bóng chuyên. Các nguyên tắc về phương pháp tập luyện bóng chuyên, cách phòng ngừa và sơ cứu chấn thương trong tập luyện Bóng chuyên. Một số bài tập hỗ trợ cho môn học. Nâng cao kỹ thuật đệm bóng [chuyên bóng thấp tay], chuyên bóng cao tay trước mặt, phát bóng cao tay và thấp tay, kỹ thuật đập bóng chính diện theo phương lấy đà.

2.6.12. [1120177], [Giáo dục thể chất 1 (Bóng chuyên 3)], [1]

Học phần trang bị cho sinh viên nắm được những điều luật thi đấu, phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài và phương pháp tập luyện môn bóng chuyên. Nâng cao các kỹ thuật đệm bóng, kỹ thuật chuyên bóng cao tay, kỹ thuật phát bóng, kỹ thuật đập bóng. Các kỹ thuật chắn bóng,

kỹ thuật phòng thủ, chiến thuật tấn công và chiến thuật phòng thủ, đội hình thi đấu và thi đấu ứng dụng.

2.6.13. [1120178], [Giáo dục thể chất 1 (Bóng rổ 1)], [1]

Bóng rổ là môn thể thao có tác dụng tăng cường sức khỏe, phát triển thể chất con người toàn diện cả về trí lực và thể lực. Học phần trang bị cho sinh viên những kỹ năng cơ bản trong môn bóng rổ, hình thành biểu tượng một số động tác kỹ thuật cơ bản của môn bóng rổ. Kết thúc học phần sinh viên có khả năng thực hành các động tác kỹ thuật cơ bản của môn bóng rổ.

2.6.14. [1120179], [Giáo dục thể chất 1 (Bóng rổ 2)], [1]

Bóng rổ là môn thể thao có tác dụng tăng cường sức khỏe, phát triển thể chất con người toàn diện cả về trí lực và thể lực. Học phần trang bị cho sinh viên những kỹ năng cơ bản trong môn bóng rổ, hình thành biểu tượng một số động tác kỹ thuật cơ bản của môn bóng rổ. Kết thúc học phần sinh viên có khả năng thực hành các động tác kỹ thuật cơ bản của môn bóng rổ.

2.6.15. [1120180], [Giáo dục thể chất 1 (Bóng rổ 3)], [1]

Bóng rổ là môn thể thao có tác dụng tăng cường sức khỏe, phát triển thể chất con người toàn diện cả về trí lực và thể lực. Học phần trang bị cho sinh viên những kỹ năng cơ bản trong môn bóng rổ, hình thành biểu tượng một số động tác kỹ thuật cơ bản của môn bóng rổ. Kết thúc học phần sinh viên có khả năng thực hành các động tác kỹ thuật cơ bản của môn bóng rổ, có thể vận dụng vào trong thi đấu.

2.6.16. [1120181], [Giáo dục thể chất 1 (Cầu lông 1)], [1]

Học phần này giúp sinh viên nắm vững và vận dụng các kỹ thuật cơ bản nhất trong môn cầu lông nhằm ứng dụng vào thực tiễn tập luyện thể thao nâng cao sức khỏe và đạt hiệu quả trong công tác giáo dục thể chất trong trường học.

+ Thực hiện đúng các kỹ thuật cơ bản khi tham gia tập luyện môn cầu lông nhằm rèn luyện thể chất.

+ Nắm vững và hiểu được cách tính điểm và một số lỗi khi tham gia tập luyện môn cầu lông.

2.6.17. [1120182], [Giáo dục thể chất 1 (Cầu lông 2)], [1]

Học phần này giúp sinh viên nắm vững và vận dụng các kỹ thuật cơ bản nhất trong môn cầu lông nhằm ứng dụng vào thực tiễn tập luyện thể thao nâng cao sức khỏe và đạt hiệu quả trong công tác giáo dục thể chất trong trường học.

+ Thực hiện đúng các kỹ thuật cơ bản khi tham gia tập luyện môn cầu lông nhằm rèn luyện thể chất.

+ Nắm vững và hiểu được cách tính điểm và một số lỗi khi tham gia tập luyện môn cầu lông.

2.6.18. [1120183], [Giáo dục thể chất 1 (Cầu lông 3)], [1]

Học phần này giúp sinh viên nắm vững và vận dụng các kỹ thuật nâng cao trong môn cầu lông nhằm ứng dụng vào thực tiễn tập luyện thể thao nâng cao sức khỏe và đạt hiệu quả trong công tác giáo dục thể chất trong trường học.

Thực hiện đúng các kỹ thuật nâng cao khi tham gia tập luyện môn cầu lông nhằm rèn luyện thể chất.

2.6.19. [1120184], [Giáo dục thể chất 1 (Võ cổ truyền Việt Nam 1)], [1]

- Trang bị cho sinh viên những kiến thức chung, kỹ năng thực hành võ đạo và võ thuật cơ bản: Thực hiện được một số động tác kỹ thuật đặc trưng, căn bản của Võ cổ truyền Việt Nam ở mức độ cơ bản, chính xác. Nắm vững kỹ thuật căn bản công tay không, đấu luyện tự vệ và từng bước làm quen, tiếp thu trong tập luyện, thi đấu thể thao trong phân môn Quyền nhằm hoàn thiện thể chất và phát triển thành tích học tập.

- Giáo dục, giáo dưỡng những phẩm chất đạo đức, nhân cách tốt, có ý thức tổ chức kỷ luật, trách nhiệm, đoàn kết, tinh tập thể, làm việc nhóm, lòng dũng cảm, yêu nước, tinh thần dân tộc.

2.6.20. [1120185], [Giáo dục thể chất 1 (Võ cổ truyền Việt Nam 2)], [1]

- Trang bị cho sinh viên những kiến thức chuyên môn và kỹ năng thực hành võ thuật thuần thực căn bản, gồm: Thực hiện được một số động tác kỹ thuật của Võ cổ truyền Việt Nam ở mức độ cơ bản thuần thực, chính xác. Nắm vững kỹ thuật đấu luyện tự vệ và vận dụng đúng đắn luật thi đấu Võ cổ truyền Việt Nam trong tập luyện, thi đấu Quyền và Đối kháng nhằm phát triển thể lực toàn diện và nâng cao thành tích học tập.

- Giáo dục, giáo dưỡng những phẩm chất đạo đức, nhân cách tốt, có ý thức tổ chức kỷ luật, trách nhiệm, đoàn kết, làm việc nhóm, tinh tập thể, lòng dũng cảm, yêu nước, tinh thần dân tộc.

2.6.21. [1120186], [Giáo dục thể chất 1 (Võ cổ truyền Việt Nam 3)], [1]

- Trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng thực hành võ thuật cơ bản: Thực hiện được một số động tác kỹ thuật cơ bản của Võ cổ truyền Việt Nam ở mức độ cơ bản, chính xác. Nắm vững kỹ- chiến thuật cơ bản tự vệ và vận dụng đúng đắn luật thi đấu Võ cổ truyền Việt Nam trong tập luyện, thi đấu Quyền thuật và thi đấu Đối kháng nhằm phát triển thành tích chuyên môn và hoàn thiện thể chất.

- Giáo dục, giáo dưỡng những phẩm chất đạo đức, nhân cách tốt, có ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần trách nhiệm, đoàn kết, tập thể, làm việc nhóm, lòng dũng cảm, yêu nước, tinh thần dân tộc.

2.6.22. [1120187], [Giáo dục thể chất 1 (Võ Taekwondo 1)], [1]

Taekwondo là môn võ xuất phát từ Triều Tiên, là môn võ thuật bao gồm những kỹ thuật như: đấm (Jieugi), đá (Chagi), đỡ (Makki)...

Chương trình huấn luyện môn võ này nhấn mạnh vào tinh thần và thể chất, tuy nhiên điểm then chốt của môn Taekwondo là sự khai triển tính đạo đức. Học phần này bao gồm các nội dung chính sau đây:

- Lịch sử phát triển Taekwondo
- Phân tích các kỹ thuật Taekwondo
- Luật thi đấu Taekwondo

- Kỹ thuật tấn pháp, kỹ thuật phòng thủ, kỹ thuật tấn công
- Kỹ thuật đối luyện
- Kỹ thuật quyền

2.6.23. [1120188], [Giáo dục thể chất 1 (Võ Taekwondo 2)], [1]

Taekwondo là môn võ xuất phát từ Triều Tiên, là môn võ thuật bao gồm những kỹ thuật như: đấm (Jieugi), đá (Chagi), đỡ (Makki)...

Chương trình huấn luyện môn võ này nhấn mạnh vào tinh thần và thể chất, tuy nhiên điểm then chốt của môn Taekwondo là sự khai triển tính đạo đức. Học phần này bao gồm các nội dung chính sau đây:

- Lịch sử phát triển Taekwondo
- Phân tích các kỹ thuật Taekwondo
- Luật thi đấu Taekwondo
- Kỹ thuật tấn pháp, kỹ thuật phòng thủ, kỹ thuật tấn công
- Kỹ thuật đối luyện
- Kỹ thuật quyền

2.6.24. [1120189], [Giáo dục thể chất 1 (Võ Taekwondo 3)], [1]

Taekwondo là môn võ xuất phát từ Triều Tiên, là môn võ thuật bao gồm những kỹ thuật như: đấm (Jieugi), đá (Chagi), đỡ (Makki)...

Chương trình huấn luyện môn võ này nhấn mạnh vào tinh thần và thể chất, tuy nhiên điểm then chốt của môn Taekwondo là sự khai triển tính đạo đức. Học phần này bao gồm các nội dung chính sau đây:

- Lịch sử phát triển Taekwondo
- Phân tích các kỹ thuật Taekwondo
- Luật thi đấu Taekwondo
- Kỹ thuật tấn pháp, kỹ thuật phòng thủ, kỹ thuật tấn công
- Kỹ thuật đối luyện
- Kỹ thuật quyền

2.6.25. [1120190], [Giáo dục thể chất 1 (Võ Karatedo 1)], [1]

Môn võ Karatedo là một trong những môn thể thao có vị trí quan trọng trong hệ thống giáo dục thể chất và huấn luyện thể thao, là một trong những môn học chính của sinh viên các trường Đại học. Tập luyện và thi đấu karate do sẽ giúp người tập pháp triển người tập phát triển toàn diện về mọi mặt, tăng cường thể chất, phát triển toàn diện tố chất thể lực, ngoài ra còn được rèn luyện tu dưỡng về tinh thần, phẩm chất đạo đức và nhân cách con người.

2.6.26. [1120191], [Giáo dục thể chất 1 (Võ Karatedo 2)], [1]

Môn võ Karatedo là một trong những môn thể thao có vị trí quan trọng trong hệ thống giáo dục thể chất và huấn luyện thể thao, là một trong những môn học chính của sinh viên các trường Đại học. Tập luyện và thi đấu karate do sẽ giúp người tập pháp triển người tập phát triển toàn diện về mọi mặt, tăng cường thể chất, phát triển toàn diện tố chất thể lực, ngoài ra còn được

rèn luyện tu dưỡng về tinh thần, phẩm chất đạo đức và nhân cách con người.

2.6.27. [1120192], [Giáo dục thể chất 1 (Võ Karatedo 3)], [1]

Môn võ Karatedo là một trong những môn thể thao có vị trí quan trọng trong hệ thống giáo dục thể chất và huấn luyện thể thao, là một trong những môn học chính của sinh viên các trường Đại học. Tập luyện và thi đấu karate do sẽ giúp người tập pháp triển người tập phát triển toàn diện về mọi mặt, tăng cường thể chất, phát triển toàn diện tổ chất thể lực, ngoài ra còn được rèn luyện tu dưỡng về tinh thần, phẩm chất đạo đức và nhân cách con người.

2.6.28. [1120168], [Giáo dục Quốc phòng - An ninh 1], [3]

Học phần đề cập lý luận cơ bản của Đảng về đường lối quốc phòng và an ninh, bao gồm: những vấn đề cơ bản Học thuyết Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; các quan điểm của Đảng về chiến tranh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang, xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, các quan điểm của Đảng về kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh. Học phần giành thời lượng nhất định giới thiệu một số nội dung cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam qua các thời kỳ.

2.6.29. [1120169], [Giáo dục Quốc phòng - An ninh 2], [2]

Học phần đề cập lý luận cơ bản của Đảng về đường lối quốc phòng và an ninh, bao gồm: những vấn đề cơ bản Học thuyết Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; các quan điểm của Đảng về chiến tranh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang, xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, các quan điểm của Đảng về kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh. Học phần giành thời lượng nhất định giới thiệu một số nội dung cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam qua các thời kỳ.

2.6.30. [1120170], [Giáo dục Quốc phòng - An ninh 3], [2]

Học phần gồm có lý thuyết kết hợp với thực hành nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về hiểu biết chung về các quân, binh chủng trong quân đội, Hiểu biết chung về bản đồ địa hình quân sự, hiểu được ý nghĩa điều lệnh đội ngũ và ý thức tổ chức kỷ luật góp phần nâng cao ý thức, tác phong học tập GDQP - AN và vận dụng tích cực trong sinh hoạt tập thể tại nhà trường. Biết cách phòng tránh địch tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao. Vận dụng 3 môn phối hợp một cách linh hoạt trong học tập và cuộc sống.

2.6.31. [1120171], [Giáo dục Quốc phòng - An ninh 4], [2]

Học phần gồm có lý thuyết kết hợp với thực hành nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về cách ngắm, bắn súng AK. Hiểu biết về một số loại lựu đạn, thực hành ném lựu đạn bài 1. Hiểu được vị trí của từng người trong chiến đấu tiến công, chiến đấu phòng ngự hoặc làm nhiệm vụ canh gác (cảnh giới).

2.6.32. [1090061], [Tiếng Anh 1], [3 tín chỉ]

Với quan điểm kế thừa và phát triển một cách có hệ thống những kiến thức tiếng Anh sinh viên đã học ở trường phổ thông, trên cơ sở xem tiếng Anh là công cụ giao tiếp thông dụng,

Tiếng Anh 1, học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo cử nhân khối không chuyên Anh ngữ, giúp sinh viên hệ thống lại và trang bị thêm cho sinh viên những kiến thức cơ bản về từ vựng, ngữ âm, ngữ pháp và những yếu tố văn hóa trong ngôn ngữ Anh, từ đó sử dụng tiếng Anh là phương tiện nghiên cứu chuyên ngành để phát triển chuyên môn. Đồng thời, học phần cũng giúp sinh viên phát triển kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm cũng như cảm giác tự tin trong giao tiếp.

2.6.33. [1090166], [Tiếng Anh 2], [4 tín chỉ]

Với quan điểm kế thừa và phát triển một cách có hệ thống những kiến thức tiếng Anh sinh viên đã học trong học phần *Tiếng Anh 1*, *Tiếng Anh 2* bổ sung các cấu trúc ngữ pháp đã học, mở rộng và so sánh các cấu trúc này với nhau, đồng thời trình bày rõ các điểm ngữ pháp quan trọng như *phrasal verbs*, *linking words* và *collocations*, v.v. và những chủ đề khó hơn như *âm nhạc và tính cách*, *phim ảnh*, *sự kiện quá khứ* và *trải nghiệm* với mục đích giúp sinh viên sử dụng tiếng Anh chính xác và lưu loát, nâng cao khả năng lĩnh hội và sử dụng tiếng Anh cho mục đích giao tiếp phức tạp hơn. Đồng thời, học phần cũng giúp sinh viên phát triển kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm cũng như cảm giác tự tin trong giao tiếp.

2.6.34. [2030003], [Kỹ năng giao tiếp], [2 tín chỉ]

Kỹ năng giao tiếp là học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo trình độ đại học. Trên cơ sở xác định mục tiêu và chuẩn đầu ra, học phần được xây dựng nhằm trang bị những kiến thức chung về giao tiếp và rèn luyện những kỹ năng giao tiếp cơ bản cho sinh viên. Qua đó, giúp sinh viên vận dụng linh hoạt, hiệu quả các kỹ năng giao tiếp vào quá trình học tập và thực tiễn cuộc sống. Ngoài ra, học phần còn giúp sinh viên nâng cao ý thức, trách nhiệm trong quá trình giao tiếp, góp phần hình thành văn hóa giao tiếp của cá nhân và xã hội.

2.6.35. [1150422], [Khởi nghiệp], [2 tín chỉ]

Học phần Khởi nghiệp là học phần thuộc khối kiến thức chung trong chương trình đào tạo của sinh viên đại học. Học phần Khởi nghiệp trang bị cho người học những kiến thức nền tảng về khởi nghiệp, giúp người học hiểu và xác định mục tiêu, sứ mệnh trong khởi nghiệp đúng đắn; giúp người học hình thành ý tưởng khởi nghiệp, phân tích và hoạch định con đường khởi nghiệp như lập kế hoạch khởi nghiệp hợp lý, tìm kiếm người hợp tác, đối tác triển khai thực hiện ý tưởng khởi nghiệp. Học phần trang bị cho người học những kỹ năng cần thiết để có thể xây dựng được một kế hoạch hành động cho ý tưởng khởi nghiệp, thực thi ý tưởng và điều chỉnh cho phù hợp với những thay đổi của môi trường; ngoài ra học phần còn nâng cao nhận thức và khơi dậy khát vọng khởi nghiệp của mỗi sinh viên.

2.6.36. [1050242], [Tin học cơ sở (Sư phạm)], [3]

Học phần cập nhật những kiến thức mới về Tin học trong thời đại công nghệ 4.0, những kiến thức cơ bản về E-Learning, và các phần mềm phục vụ giảng dạy phổ biến. Qua đó sinh viên có thể hiểu và ứng dụng Tin học vào các hoạt động giảng dạy của ngành mà sinh viên đang học.

2.6.37. [1100086], [Tâm lý học], [3]

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về khoa học tâm lý và tâm lý học lứa tuổi học sinh Trung học cơ sở và Trung học phổ thông. Trên cơ sở đó giúp sinh viên có thể vận dụng kiến thức đã học để giải quyết những vấn đề của thực tiễn dạy học và giáo dục.

2.6.38. [1100026], [Giáo dục học], [4]

Học phần trang bị cho người học những hiểu biết toàn diện về nghề sư phạm và công việc của người giáo viên trong nhà trường. Từ đó, sinh viên xác định phương hướng rèn luyện phẩm chất, năng lực nghề nghiệp của bản thân. Nội dung học phần bao gồm:

- Nhóm tri thức và kỹ năng chung về khoa học giáo dục: trang bị cho sinh viên những vấn đề chung về quá trình giáo dục tổng thể.

- Nhóm tri thức về quá trình dạy học: trang bị lý luận về hoạt động dạy học và các kỹ năng tổ chức quá trình dạy học.

- Nhóm tri thức về quá trình giáo dục: trang bị về và các kỹ năng tổ chức các hoạt động giáo dục.

- Nhóm tri thức về quản lý trường học: trang bị nội dung khái quát về công tác quản lý nhà trường, người giáo viên chủ nhiệm, ... và các kỹ năng quản lý tập thể học sinh.

2.6.39. [1070023], [Đại cương văn hóa Việt Nam], [2 TC]

Đại cương văn hóa Việt Nam là học phần thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp trong chương trình đào tạo trình độ đại học. Trên cơ sở xác định mục tiêu và chuẩn đầu ra, học phần được xây dựng nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về văn hóa Việt Nam với các thành tố cơ bản thể hiện trong văn hóa tổ chức đời sống tập thể và đời sống cá nhân, trong sự tương tác giữa con người với môi trường tự nhiên và xã hội thông qua văn hóa ứng xử. Qua đó, giúp sinh viên hiểu rõ hơn về bản sắc văn hóa dân tộc, đồng thời biết vận dụng và phát huy những giá trị văn hóa trong cuộc sống và hoạt động nghề nghiệp.

2.6.40. [1130322], [Pháp luật kinh tế, đất đai, môi trường], [2 TC]

Pháp luật kinh tế, đất đai, môi trường bao gồm những vấn đề mang tính lý luận về các loại hình doanh nghiệp theo quy định của pháp luật hiện nay; về sở hữu đất đai, quan hệ pháp luật đất đai; tổng quan về môi trường và luật môi trường; Luật môi trường Việt Nam và Luật quốc tế về môi trường.

2.6.41. [1130033], [Lô gic học], [2 TC]

Khái quát hóa kiến thức về những vấn đề lý luận chung của Logic học, cung cấp một số kiến thức lô gích căn bản như là phương tiện tối thiểu để rèn luyện và nâng cao kỹ năng tư duy cho người học, giúp người học tư duy nhanh, chính xác, lập luận chặt chẽ, biết phát hiện những đúng, sai, nguy hiểm trong lập luận của người khác. Môn học nằm trong khối kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, có liên quan mật thiết và có với khối kiến thức giáo dục đại cương.

2.6.42. [1130221], [Mỹ học và giáo dục thẩm mỹ], [2 TC]

Học phần cung cấp kiến thức cơ bản cho sinh viên về việc nhìn nhận, đánh giá một tác phẩm nghệ thuật thông qua cái đẹp, cái xấu, cái bi, cái hài,... Từ đó, vận dụng vào quá trình sáng tác làm nên cái đẹp, cái thẩm mỹ, áp dụng vào chuyên môn, cuộc sống một cách có hiệu

quả.

2.6.43. [1060022], [Dẫn luận ngôn ngữ và Tiếng Việt thực hành], [2 TC]

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức về bản chất, chức năng, nguồn gốc, sự phát triển của ngôn ngữ, và quy luật phát triển của ngôn ngữ; bản chất tín hiệu của ngôn ngữ. Học phần nâng cao hiểu biết có cơ sở khoa học về tiếng Việt: những tri thức về các quy tắc vận hành, quy luật hoạt động để thực hiện chức năng của tiếng Việt ở tất cả các cấp độ: chữ viết, từ, câu, đoạn văn, văn bản. Những tri thức này cần thiết cho việc sử dụng tiếng Việt trong hoạt động giao tiếp, nhất là hoạt động giao tiếp bằng văn bản.

2.6.44. [1100138], [Xã hội học], [2 TC]

Học phần này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản và cần thiết như khái niệm Xã hội học, đối tượng, chức năng, lịch sử ra đời của xã hội học; một số các khái niệm cơ bản của xã hội học; khái niệm cơ cấu xã hội; các khái niệm có liên quan, các phân hệ cơ bản của cơ cấu xã hội; Xã hội học đô thị; Một số phương pháp điều tra xã hội học... Thông qua học phần này, người học có được một cách nhìn thấu đáo về các vấn đề của xã hội. Qua đó, người học được nâng cao kiến thức vừa có các kỹ năng điều tra xã hội học, hiểu được cách thức giải quyết các vấn đề xã hội.

2.6.45. [1130220], [Đạo đức học và giáo dục đạo đức], [2 TC]

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức căn bản nhất của đạo đức học. Thông qua môn học, góp phần giáo dục đạo đức cho sinh viên trên cơ sở hình thành những quan điểm đạo đức mới khoa học và hiện đại, đáp ứng yêu cầu đào tạo con người mới trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Có khả năng tiếp tục nghiên cứu các vấn đề cơ bản của đạo đức học ở mức chuyên sâu nhằm giải quyết các vấn đề lý luận cũng như thực tiễn đang đặt ra của đạo đức xã hội hiện nay.

2.6.46. [1130070], [Quản lý kinh tế], [2 TC]

Cung cấp một số khái niệm, phạm trù cơ bản của hệ thống kinh tế và quản lý kinh tế, nhận thức rõ về con đường đổi mới quản lý kinh tế ở Việt Nam, phân tích vai trò, chức năng của Nhà nước trong quản lý kinh tế; trình bày các mục tiêu, công cụ của quản lý kinh tế vĩ mô và một số chính sách kinh tế vĩ mô chủ yếu; phân tích mối quan hệ giữa Nhà nước với quản lý doanh nghiệp và một số vấn đề về cán bộ quản lý kinh tế.

2.6.47. [1130067], [Quan hệ quốc tế], [2 TC]

Học phần cung cấp cho sinh viên những khái niệm cơ bản: quan hệ quốc tế, hệ thống quan hệ quốc tế, trật tự quan hệ quốc tế, chủ thể quan hệ quốc tế, kiểu quan hệ quốc tế, chính sách ngoại giao, đường lối đối ngoại... và những kiến thức cơ bản về lý luận quan hệ quốc tế. Trên cơ sở đó, đi sâu khảo cứu các mối quan hệ giữa các quốc gia, dân tộc; các trào lưu chính trị - xã hội, các tổ chức quốc tế trong thời đại ngày nay, vai trò, vị thế, xu hướng vận động của từng chủ thể trong quan hệ quốc tế. Học phần còn giúp sinh viên có cái nhìn đối sánh về hệ thống quan hệ

quốc tế, trật tự quan hệ quốc tế, chủ thể quan hệ quốc tế, các kiểu quan hệ quốc tế qua các thời đại.

2.6.48. [1130323], [Kỹ năng soạn thảo văn bản], [2 TC]

Kỹ năng soạn thảo văn bản là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành và khối ngành đối với hệ cử nhân giáo dục chính trị. Học phần gồm có 05 chương, cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về văn bản; kỹ thuật soạn thảo, xây dựng và ban hành văn bản. Những kiến thức được cung cấp trong học phần sẽ giúp người học hiểu và giải quyết tốt những vấn đề cụ thể trong thực tiễn hoạt động xây dựng và ban hành văn bản và nghiên cứu các môn học chuyên ngành khác.

2.6.49. [1130112], [Lịch sử triết học], [3 TC]

Học phần được giảng dạy ở học kỳ 3 của chương trình đào tạo ngành sư phạm Giáo dục chính trị. Học phần giúp cho người học có được những hiểu biết cơ bản mang tính hệ thống về lịch sử triết học phương Đông và phương Tây từ thời kỳ cổ đại đến thời kỳ hiện đại.

Nội dung chính yếu của môn học bao gồm: triết học phương Đông, tư tưởng triết học Việt Nam và triết học phương Tây. Về triết học phương Đông bao gồm triết học Trung Quốc thời kỳ cổ - trung đại; triết học Ấn Độ cổ - trung đại. Về tư tưởng triết học Việt Nam bao gồm tư tưởng Nho gia, Phật giáo và tư tưởng triết học Hồ Chí Minh. Về triết học phương Tây bao gồm triết học thời kỳ cổ đại, trung đại, cận đại và hiện đại.

2.6.50. [1130224], [Hồ Chí Minh - nhà tư tưởng sáng tạo, nhà văn hóa kiệt xuất], [3 TC]

Học phần bao gồm những tri thức về Hồ Chí Minh mà ở học phần đại cương chưa có điều kiện đề cập tới. Đó là những sáng tạo của Hồ Chí Minh trong việc vận dụng chủ nghĩa Mác-Lênin vào thực tiễn Việt Nam; là những biểu hiện văn hoá ở Hồ Chí Minh và sự tiếp biến văn hóa của Người; là những quan điểm của Hồ Chí Minh về nội dung, phương pháp bồi dưỡng thế cách mạng cho đời sau. Học phần trang bị kiến thức nâng cao cho sinh viên học ngành Giáo dục công dân, Giáo dục chính trị; giúp người học biết vận dụng sáng tạo những hiểu biết về Hồ Chí Minh vào công tác giảng dạy và giáo dục của mình.

2.6.51. [1130324], [Chính trị học], [3 TC]

Học phần Chính trị học khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo ngành Giáo dục chính trị hệ đại học chính quy. Học phần bao gồm 8 chương, cung cấp những vấn đề lý luận và thực tiễn cơ bản của chính trị học: quyền lực và quyền lực chính trị; hệ thống chính trị và đổi mới hệ thống chính trị Việt Nam hiện nay; đảng chính trị; nhà nước; xã hội dân sự; các tổ chức chính trị - xã hội; văn hóa chính trị; con người chính trị;...

2.6.52. [1130027], [Lịch sử các học thuyết kinh tế], [2 TC]

Lịch sử các học thuyết kinh tế là một bộ môn khoa học xã hội, nghiên cứu sự phát sinh, phát triển và thay thế lẫn nhau của các học thuyết kinh tế qua các giai đoạn phát triển lịch sử cụ thể khác nhau của xã hội. Học phần được cấu trúc thành 6 chương. Ngoài chương mở đầu nhằm giới thiệu về đối tượng, phương pháp và chức năng của bộ môn, nội dung học phần trình bày những vấn đề cơ bản của các học thuyết kinh tế bao gồm các học thuyết kinh tế của chủ nghĩa

trọng thương, kinh tế tư sản cổ điển, những khuynh hướng phê phán tư tưởng tự do tư sản cổ điển, sự phát sinh và phát triển của kinh tế học Marx-Lenin, học thuyết kinh tế tư sản hiện đại nhằm đáp ứng yêu cầu tìm hiểu về lịch sử phát triển của khoa học kinh tế cho sinh viên.

2.6.53. [1130032], [Lịch sử tư tưởng XHCN], [2 TC]

Học phần Lịch sử tư tưởng XHCN là học phần thuộc khối kiến thức ngành trong chương trình đào tạo ngành Giáo dục chính trị hệ đại học chính quy. Nội dung học phần được cấu trúc thành 2 phần: Phần thứ nhất có 4 chương bao quát toàn bộ dòng chảy phát triển của tư tưởng xã hội chủ nghĩa của nhân loại từ khi nó ra đời cho đến khi xuất hiện chủ nghĩa xã hội khoa học; phần thứ hai trình bày sự hình thành và phát triển của chủ nghĩa xã hội khoa học với 4 nội dung lớn: Điều kiện và những tiền đề khách quan, chủ quan cho sự ra đời chủ nghĩa xã hội khoa học; giai đoạn C.Mác và Ph.Ăngghen bổ sung, phát triển chủ nghĩa xã hội khoa học; giai đoạn V.I.Lênin bảo vệ và phát triển chủ nghĩa xã hội khoa học; giai đoạn sau V.I.Lênin.

2.6.54. [1130328], [Giáo dục giới và bình đẳng giới], [3 TC]

Đây là môn học bắt buộc trong chương trình đào tạo ngành GDCT, gồm 3 chương trong đó Chương 1 giới thiệu Những vấn đề chung về giới như khái niệm, đặc trưng cơ bản của giới, phân biệt giới và giới tính, vai trò giới và nhu cầu giới; nội dung, mục tiêu và các phương pháp nghiên cứu về giới. Chương 2 và 3 đề cập đến các nội dung như Bất bình đẳng về giới và nguyên nhân của nó; tầm quan trọng của bình đẳng giới, pháp luật quốc tế về bình đẳng giới... Chính sách và pháp luật Việt Nam về bình đẳng giới; Những thành tựu và hạn chế trong việc thực hiện bình đẳng giới ở Việt Nam, trách nhiệm của sinh viên trong thực hiện bình đẳng giới..

2.6.55. [1130021], [Kinh tế học], [2 TC]

Học phần nhằm trang bị cho người học những nội dung cơ bản của kinh tế học vĩ mô như: lý thuyết lựa chọn kinh tế tối ưu, cung - cầu về hàng hóa và dịch vụ, lý thuyết về hành vi người tiêu dùng và hành vi của doanh nghiệp; vai trò của Chính phủ trong điều tiết kinh tế; và những nội dung cơ bản của kinh tế học vĩ mô như: Tổng cung và tổng cầu của nền kinh tế và mục tiêu, chính sách kinh tế vĩ mô; đo lường sản lượng quốc gia (GDP); các phạm trù thất nghiệp, lạm phát và mối quan hệ của chúng;...

2.6.56. [1130330], [Kinh tế chính trị học- những vấn đề lý luận và thực tiễn ở Việt Nam hiện nay], [3 TC]

Trên cơ sở kiến thức của môn học Kinh tế chính trị Mác – Lênin, môn học này cung cấp như vấn đề kinh tế chính trị mang tính lý luận và thực tiễn ở Việt Nam hiện nay. Nội dung môn học được cấu trúc thành 5 chương, trong đó chương 1 đề cập đến tư bản cho vay, lợi tức, lợi nhuận, lãi suất, cổ phần, cổ tức. Chương 2 đề cập đến vấn đề phân phối thu nhập quốc dân và tiêu dùng. Chương 3 đề cập đến vấn đề công nghiệp hóa, hiện đại hóa nền kinh tế Việt Nam trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Chương 4 đề cập đến vấn đề sở hữu và phát triển kinh tế nhiều thành phần ở Việt Nam. Chương 5 đề cập đến quản lý nhà nước trong nền kinh tế thị trường.

2.6.57. [1130325], [Giáo dục thế giới quan duy vật biện chứng và phương pháp luận biện chứng duy vật], [2 TC]

Học phần giúp cho người học có được những hiểu biết chuyên sâu về thế giới quan duy vật biện chứng và phương pháp luận biện chứng duy vật. Nội dung chính yếu của môn học bao gồm: Thế giới quan duy vật biện chứng bao gồm: Quan điểm duy vật biện chứng về vật chất, phương thức và hình thức tồn tại của vật chất, Tính thống nhất vật chất của thế giới; Quan điểm duy vật biện chứng về ý thức (khái niệm), các hình thức của ý thức, nguồn gốc, bản chất và kết cấu của ý thức; Mối quan hệ biện chứng giữa vật chất và ý thức; Tính khách quan của vật chất và vai trò của ý thức đối với đời sống xã hội. Về Phương pháp luận duy vật biện chứng bao gồm: Biện chứng, Phép biện chứng, Phép biện chứng duy vật; Sự đối lập giữa phép biện chứng duy vật và phép biện chứng duy tâm; Vai trò của phép biện chứng duy vật; Nguyên lý về mối liên hệ phổ biến và các cặp phạm trù cơ bản của PBCDV; Nguyên lý về sự phát triển và các quy luật cơ bản của PBCDV.

2.6.58. [1130222], [Học thuyết kinh tế Mác – Lênin và sự vận dụng ở Việt Nam], [3 TC]

Hệ thống lại những kiến thức cơ bản đã học về Học thuyết kinh tế của Chủ nghĩa Mác – Lênin: Học thuyết giá trị, Học thuyết giá trị thặng dư, Học thuyết về Chủ nghĩa tư bản độc quyền và chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước; sự vận dụng học thuyết này vào quá trình đổi mới ở Việt Nam

2.6.59. [1130329], [Toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế], [2 TC]

Đây là môn học bắt buộc trong chương trình đào tạo ngành GDCT. Nội dung môn học gồm 3 chương trong đó Chương 1 và 2 trình bày những vấn đề cơ bản của Toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế; phương pháp và ý nghĩa của việc nghiên cứu vấn đề này. Chương 3 đề cập những nội dung cơ bản của quá trình hội nhập quốc tế ở Việt Nam; thời cơ và thách thức của toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế đối với Việt Nam; những thành tựu đạt được và những vấn đề đặt ra hiện nay trong hội nhập quốc tế ở Việt Nam; một số định hướng và giải pháp của Đảng và Nhà nước ta trong hội nhập quốc tế... Môn học trang bị những nhận thức chính trị - xã hội và phương pháp luận khoa học về tính tất yếu khách quan của toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, củng cố niềm tin vào đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa của Đảng ta.

2.6.60. [1130331], [Những vấn đề lý luận và thực tiễn về sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Việt Nam], [2 TC]

Trên cơ sở kế thừa kiến thức của các học phần cơ sở (Triết học Mác - Lênin, Kinh tế chính trị Mác - Lênin, Lịch sử ĐCS Việt Nam; Tư tưởng Hồ Chí Minh...), học phần này cung cấp cho người học kiến thức tổng quát về vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với cách mạng Việt Nam từ năm 1930 đến nay. Từ đó, nhận thức rõ những thành công, hạn chế của Đảng và đúc rút những điều kiện cơ bản đảm bảo vai trò lãnh đạo của Đảng trong bối cảnh lịch sử

mới. Người học sẽ được giới thiệu cơ bản những vấn đề lý luận và thực tiễn về sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Việt Nam - từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đến cách mạng xã hội chủ nghĩa qua các thời kỳ lịch sử.

2.6.61. [1130327], [Hiến pháp và các luật tổ chức bộ máy nhà nước], [3 TC]

Học phần Hiến pháp và các luật tổ chức bộ máy nhà nước là học phần thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Sư phạm giáo dục chính trị, cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về lịch sử Hiến pháp Việt Nam qua các thời kỳ, kiến thức về các chế định của Hiến pháp hiện hành và quy định của các luật về tổ chức bộ máy nhà nước có liên quan. Từ đó giúp người học nhận thấy vị trí, vai trò của Hiến pháp và các luật tổ chức bộ máy nhà nước trong hệ thống pháp luật Việt Nam.

2.6.62. [1130155], [Hệ thống chính trị Việt Nam hiện nay], [2 TC]

Học phần cung cấp những vấn đề cơ bản về lý luận và thực tiễn hệ thống chính trị Việt Nam hiện nay. Trong đó, phần lý luận đề cập đến những nội dung cơ bản về khái niệm, đặc điểm cấu trúc và sự hình thành hệ thống chính trị Việt Nam. Phần thực tiễn đề cập đến thực trạng, giải pháp cơ bản đổi mới hệ thống chính trị Việt Nam hiện nay.

2.6.63. [1130326], [Vấn đề dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam], [2 TC]

Học phần *Vấn đề dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam* là học phần thuộc khối kiến thức tự chọn trong chương trình đào tạo ngành Giáo dục chính trị hệ đại học chính quy. Nội dung học phần khái quát những vấn đề cơ bản nhất về lý luận và thực tiễn dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam hiện nay. Trong đó, phần lý luận về dân tộc, tôn giáo khai thác những nội dung cơ bản về vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Phần thực tiễn cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về thành phần, đặc điểm dân tộc Việt Nam; Quan điểm của Đảng về vấn đề dân tộc ở Việt Nam cũng như thực trạng tôn giáo ở Việt Nam, nội dung quan điểm, chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam đối với tín ngưỡng, tôn giáo.

2.6.64. [1130151], [Nhân học và triết học về con người], [2 TC]

Học phần được cấu trúc thành 3 chương, phản ánh 3 nội dung cơ bản. Thứ nhất, khái quát những vấn đề lý luận chung về nhân học. Thứ hai, giới thiệu các nội dung về triết học con người trong lịch sử triết học. Ngoài ra, bài học đặc biệt nhấn mạnh đến quan điểm mácxít về triết học con người. Thứ ba, là phần tập trung phân tích về chiến lược phát triển nguồn nhân lực trong giai đoạn hiện nay ở Việt Nam. Môn học nằm trong khối kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, có liên quan mật thiết và có với khối kiến thức giáo dục đại cương.

2.6.65. [1130152], [Đại cương khoa học lãnh đạo, quản lý], [2 TC]

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ sở về khoa học lãnh đạo, quản lý. Nội dung môn học bao gồm: những vấn đề chung của quản lý và khoa học quản lý, các tư tưởng và lý thuyết quản lý, nguyên tắc và phương pháp quản lý, quyết định quản lý, thông tin trong quản lý, chức năng quản lý, nhà quản lý, lãnh đạo và nhà lãnh đạo, quản lý sự thay đổi trong tổ chức. Những kiến thức trên được thường xuyên cập nhật và hiện đại hóa, truyền đạt bằng phương pháp tiên tiến và ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy, nghiên cứu và học tập.

Học phần là nền tảng quan trọng để làm cơ sở cho các môn học chuyên ngành và áp dụng trong công việc, cuộc sống.

2.6.66. [1130153], [Thể chế chính trị thế giới đương đại], [2 TC]

Học phần Thể chế chính trị thế giới đương đại cương là học phần thuộc khối kiến thức tự chọn trong chương trình đào tạo ngành Giáo dục chính trị hệ đại học chính quy. Nội dung học phần cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về: những vấn đề lý luận chung về thể chế chính trị, các hình thức thể chế chính trị trên thế giới hiện nay; thể chế chính trị ở một số quốc gia tiêu biểu như Liên Hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai Len, Hoa Kỳ, Pháp, Singapore, Malaysia... ; những ưu điểm và hạn chế của các hình thức thể chế chính trị này

2.6.67. [1130031], [Lịch sử tư tưởng phương Đông và Việt nam], [2 TC]

Học phần giúp cho người học có được những hiểu biết cơ bản mang tính hệ thống về tư tưởng tự nhiên, kinh tế, chính trị, văn hóa, khoa học, giáo dục, đạo đức, .v.v... của các nền văn minh ở phương Đông (Trung Hoa, Ấn Độ, Ả rập) và Việt Nam từ cổ đại đến hiện đại. Nội dung chính yếu của môn học bao gồm: lịch sử tư tưởng Trung Hoa, lịch sử tư tưởng Ấn Độ, lịch sử tư tưởng Ả Rập và lịch sử tư tưởng Việt Nam. Trên cơ sở của những kiến thức về văn hóa Việt nam, Lịch sử Việt nam học phần giúp người học có sự hiểu biết xuyên suốt về tư tưởng của dân tộc Việt Nam và tư tưởng dân tộc các nước phương Đông và đồng thời là cơ sở để nhận thức, đánh giá về lịch sử hành chính Việt nam và các nước trong khu vực.

2.6.68. [1130160], [Tác phẩm của Hồ Chí Minh và các lãnh tụ Đảng CSVN], [2 TC]

Tác phẩm của Hồ Chí Minh và các lãnh tụ Đảng Cộng sản Việt Nam thuộc phần kiến thức chuyên sâu dùng cho sinh viên chuyên ngành thuộc khoa học Mác- Lênin và ngành Giáo dục chính trị. Học phần gồm có 6 chương đề cập đến những tư tưởng, quan điểm của Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng về con đường cách mạng vô sản của Việt Nam, về đạo đức cách mạng của những người cộng sản, về những lời dặn dò của Người trong Di chúc, về vấn đề Xây dựng Đảng, Xây dựng nền Văn hóa cách mạng, về xây dựng CNXH trong thời kì quá độ, tổng kết kinh nghiệm của Đảng trong lãnh đạo cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng trước thực tiễn và yêu cầu mới của lịch sử.

2.6.69. [1130332], [Pháp luật dân sự, lao động, hôn nhân và gia đình], [2 TC]

Học phần Luật dân sự, luật lao động, luật hôn nhân và gia đình là học phần bắt buộc trong chương trình cử nhân ngành sư phạm Giáo dục chính trị, trường Đại học Quy Nhơn. Học phần được thiết kế bao gồm có 3 phần trong đó phần 1 cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về luật dân sự, phần 2 cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về luật lao động và phần 3 cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về luật hôn nhân và gia đình.

2.6.70. [1130161], [Lịch sử nhà nước và pháp luật Việt Nam], [2 TC]

Học phần gồm có 2 phần, 8 chương, cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, ý nghĩa học tập môn Lịch sử Nhà nước và Pháp luật; về bối cảnh lịch sử, quá trình ra đời, hình thành, phát triển hoạt động, phát huy hiệu lực của nhà nước và những đặc trưng, quy luật ra đời, hình thành, phát triển của các nhà nước và pháp

luật trong lịch sử (lịch sử nhà nước và pháp luật chiếm hữu nô lệ, phong kiến, tư sản; nhà nước và pháp luật xã hội chủ nghĩa). Và Quá trình ra đời Nhà nước đầu tiên ở Việt Nam; Nhà nước và pháp luật Việt Nam thời kỳ đấu tranh chống đồng hóa của phong kiến Trung Quốc; Nhà nước và pháp luật phong kiến Đại Việt; Nhà nước và pháp luật thời kỳ thuộc Pháp; Nhà nước và pháp luật Việt Nam từ năm 1945 đến nay

2.6.71. [1130162], [Pháp luật quốc tế], [2 TC]

Môn học thuộc hệ thống luật quốc tế, nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản của công pháp quốc tế bao gồm kiến thức pháp lý nền tảng về quốc gia, quốc tịch, biên giới lãnh thổ (trên đất liền và trên biển), tranh chấp quốc tế và những quy tắc cơ bản để giải quyết các tranh chấp quốc tế.

2.6.72. [2010026], [Lý luận dạy học Chính trị - GD CD 1], [3TC]

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức liên quan đến Khoa học phương pháp dạy học Chính trị - Giáo dục công dân, về bộ môn Chính trị, Giáo dục công dân ở trường phổ thông. Đặc biệt học phần còn giúp cho người học đi sâu làm rõ: cấu trúc chương trình, đặc điểm tri thức, nguyên tắc giảng dạy cùng hệ thống phương pháp và kỹ thuật dạy học môn Chính trị - Giáo dục công dân ở trung học phổ thông, các chức năng, nhiệm vụ của bộ môn Chính trị, Giáo dục công dân ở trường THPT. Trên cơ sở chuẩn kiến thức kỹ năng và phân phối chương trình Chính trị - Giáo dục kinh tế và pháp luật, học phần còn giới thiệu cách thiết kế giáo án Chính trị - Giáo dục kinh tế và pháp luật ở trường THPT.

2.6.73. [2010027], [Lý luận dạy học Chính trị - GD CD 2], [2 TC]

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức liên quan đến Khoa học phương pháp dạy học Chính trị - Giáo dục công dân, về bộ môn Chính trị, Giáo dục công dân ở trường phổ thông. Đặc biệt học phần còn giúp cho người học đi sâu làm rõ: các hình thức tổ chức dạy học môn Chính trị - Giáo dục công dân; hệ thống kiến thức lý thuyết xây dựng các bài kiểm tra và đánh giá trong dạy học môn Chính trị - Giáo dục công dân ở THPT; phát triển kỹ năng thiết kế bài kiểm tra và sử dụng công cụ đánh giá bài học; việc sử dụng sáng tạo, hợp lý phương tiện dạy học; vai trò của người giáo viên Chính trị - Giáo dục công dân ở trường THPT góp phần hoàn thiện và nâng cao chất lượng dạy học môn Chính trị - Giáo dục công dân ở trường THPT.

2.6.74. [1130227], [Phương pháp dạy học Chính trị - GD CD 1], [3 TC]

Học phần trang bị cho người học lý luận chung về phương pháp dạy học bộ môn GD CD ở THPT, đặc biệt là lý luận về các phương pháp và nguyên tắc dạy học chính trị - GD CD ở THPT. Học phần cũng cung cấp cho người học những kỹ năng về phương pháp giảng dạy các kiến thức cơ bản của thế giới quan duy vật và phương pháp luận biện chứng; những quy luật vận động và phát triển của thế giới vật chất; một số phạm trù cơ bản của đạo đức học và những yêu cầu về đạo đức của công dân Việt Nam trong giai đoạn hiện nay; kỹ năng về hướng dẫn thảo luận nhóm và làm bài tập thực hành; kỹ năng đánh giá kết quả học tập của học sinh THPT. Biết thiết kế và thực hiện bài giảng môn GD CD lớp 10.

2.6.75. [1130228], [Phương pháp dạy học Chính trị - GDCD 2], [3 TC]

Học phần Phương pháp giảng dạy Chính trị - GDCD 2 bên cạnh việc tổng kết lại những kiến thức cơ bản về lý luận dạy học Chính trị - Giáo dục công dân, nội dung chủ yếu của học phần nhằm cung cấp cho người học những kỹ năng tổ chức hoạt động dạy học môn Chính trị - Giáo dục Kinh tế và pháp luật lớp 11; giúp người học rèn luyện tác phong đứng lớp, trình bày bảng, khai thác và sử dụng phương tiện dạy học, xử lý tình huống dạy học, góp phần nâng cao chất lượng dạy học bộ môn, đáp ứng yêu cầu thực tập sư phạm và dạy học phát triển năng lực và phẩm chất người học.

2.6.76. [1130229], [Phương pháp dạy học Chính trị - GDCD 3], [3 TC]

Học phần Phương pháp giảng dạy Chính trị - GDCD 3 bên cạnh việc tổng kết lại những kiến thức cơ bản về lý luận dạy học Chính trị - Giáo dục công dân, nội dung chủ yếu của học phần nhằm cung cấp cho người học những kỹ năng tổ chức hoạt động dạy học môn Chính trị - Giáo dục Kinh tế và pháp luật lớp 12; giúp người học rèn luyện tác phong đứng lớp, trình bày bảng, khai thác và sử dụng phương tiện dạy học, xử lý tình huống dạy học, góp phần nâng cao chất lượng dạy học bộ môn, đáp ứng yêu cầu thực tập sư phạm và dạy học phát triển năng lực và phẩm chất người học.

2.6.77. [2010028], [Giáo dục kỹ năng sống], [2 TC]

Học phần cung cấp cho người học những vấn đề cơ bản về kỹ năng sống, bao gồm quan niệm đúng đắn về kỹ năng sống, ý nghĩa của việc trang bị kỹ năng sống và hệ thống kỹ năng sống cần thiết hiện nay. Đồng thời, học phần cũng làm rõ một số vấn đề liên quan đến giáo dục kỹ năng sống như: khái niệm, yêu cầu, nội dung, phương pháp, ... giáo dục kỹ năng cho thế hệ trẻ. Dựa vào những kiến thức này tổ chức thực hành, luyện tập một số chủ đề giáo dục kỹ năng sống cơ bản cho người học trong nhà trường nhằm giúp người học làm quen với hoạt động giáo dục kỹ năng sống và vận dụng những kiến thức vào thực tiễn giáo dục.

2.6.78. [1130230], [Các phương pháp tích cực trong dạy học Chính trị - GDCD], [2 TC]

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về dạy học và dạy học tích cực; một số kỹ thuật, phương pháp dạy và học tích cực; cách tổ chức và quản lý dạy học tích cực; kiểm tra, đánh giá trong dạy học tích cực; các mẫu kế hoạch, bảng biểu công cụ đánh giá. Trên cơ sở những kiến thức được trang bị người học có thể thiết kế và thực hiện bài giảng môn Chính trị -GDCD ở THPT theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của người học.

2.6.79. [1130231], [Quản lý nhà nước về Giáo dục – Đào tạo], [2 TC]

Học phần Quản lý nhà nước về Giáo dục – Đào tạo là học phần bắt buộc nằm trong mục kiến thức bổ trợ về đào tạo, rèn luyện nghiệp vụ, kỹ năng nghề nghiệp thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp trong chương trình đào tạo ngành Giáo dục chính trị. Học phần gồm 4 chương, cung cấp cho sinh viên kiến thức tổng quan về giáo dục – đào tạo; quản lý nhà nước về giáo dục – đào tạo; quản lý giáo dục phổ thông; quản lý giáo dục đại học. Những kiến thức được cung cấp trong học phần sẽ giúp sinh viên có thêm hiểu biết về hoạt động quản lý nhà nước về giáo dục – đào tạo, từ đó sinh viên có cơ sở để nghiên cứu sâu hơn các môn học chuyên ngành khác.

2.6.80. [1130131], [Rèn luyện nghiệp vụ SP 1], [2 TC]

Học phần cung cấp cho người học các kỹ năng liên quan đến hoạt động dạy học Giáo dục công dân ở trường trung học phổ thông, bao gồm: diễn đạt nói và viết, sử dụng đồ dùng trực quan và phương tiện dạy học, sử dụng sách giáo khoa và xây dựng hồ sơ dạy học, sử dụng bảng đen, tổ chức các hoạt động ngoại khóa... Kết quả học tập học phần giúp sinh viên nắm vững và vận dụng được những kỹ năng trên trong khi thực tập sư phạm và hoàn thành nhiệm vụ của người giáo viên Giáo dục công dân trong tương lai.

2.6.81. [2010029], [Rèn luyện nghiệp vụ SP 2], [3 TC]

Nội dung học phần tập trung rèn luyện cho sinh viên những kỹ năng nghiệp vụ sư phạm liên quan đến việc thiết kế và tiến hành giảng dạy các loại bài học khác nhau trong chương trình Giáo dục công dân ở THPT. Kết quả học tập học phần sẽ giúp sinh viên nắm vững và vận dụng được những kỹ năng trên trong khi thực tập sư phạm và hoàn thành nhiệm vụ của người giáo viên Giáo dục công dân trong tương lai

2.6.82. [1100191], [Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục], [2 TC]

Học phần cung cấp cho sinh viên những lý luận cơ bản về phương pháp luận nghiên cứu, các quan điểm trong nghiên cứu khoa học giáo dục; Hệ thống các phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục; Cách thức tiến hành một công trình nghiên cứu khoa học giáo dục; Đánh giá một công trình nghiên cứu khoa học giáo dục... Để từ đó sinh viên chủ động định hướng và áp dụng các phương pháp nghiên cứu trong thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường, tiến hành luận văn tốt nghiệp..

2.6.83. [1130085], [Thực tập sư phạm 1], [1 TC]

Hình thành và phát triển cho sinh viên ngành Giáo dục Chính trị các kỹ năng dạy học Giáo dục công dân, các năng lực ứng xử với giáo viên và giao tiếp với học sinh, năng lực giải quyết các tình huống thực tế trong giờ học ở trường trung học phổ thông.

2.6.84. [1130086], [Thực tập sư phạm 2], [5 TC]

Hình thành và phát triển cho sinh viên ngành Giáo dục chính trị các kỹ năng dạy học Giáo dục công dân, thực hiện năng lực ứng xử với giáo viên và giao tiếp với học sinh, năng lực giải quyết các tình huống thực tế được trải nghiệm trong giờ học ở trường trung học phổ thông.

2.6.85. [1130087], [Thực tế chuyên môn], [1 TC]

Học phần Thực tế chuyên môn giúp sinh viên có điều kiện áp dụng những kiến thức đã học vào thực tế, thực hành các kỹ năng giao tiếp, ứng xử, làm việc theo nhóm. Bồi dưỡng, giáo dục truyền thống yêu nước, truyền thống cách mạng cho sinh viên tìm hiểu về tình hình phát triển kinh tế, xã hội của đất nước.

2.6.86. [2010030], [Khóa luận tốt nghiệp], [6 TC]

Hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học gắn liền với các nội dung: Giáo dục lý luận chính trị, Kinh tế và Pháp luật và Phương pháp giảng dạy Giáo dục chính trị và Giáo dục công dân.

2.6.87. [1130031], [Dạy học tích hợp trong môn GDCD ở trường phổ thông], [2 TC]

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức lý luận cơ bản về dạy học tích hợp: khái niệm, đặc điểm, quan điểm, nguyên tắc, phương pháp, quy trình, kỹ thuật... của dạy học tích hợp khoa học xã hội. Trên cơ sở những kiến thức được trang bị người học có thể thiết kế và thực hiện chủ đề dạy học tích hợp trong môn Giáo dục công dân ở trường trung học phổ thông.

2.6.88. [1130233], [Xây dựng thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam hiện nay], [2 TC]

Nội dung học phần trình bày khái lược về kinh tế thị trường, thị trường và cơ chế thị trường; các mô hình thể chế kinh tế thị trường trên thế giới. Trên cơ sở đó học phần đi sâu phân tích bản chất mô hình kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam; làm rõ sự cần thiết khách quan và những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu để tiếp tục xây dựng và hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam. Nghiên cứu, học tập học phần này có ý nghĩa quan trọng, trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về kinh tế thị trường nói chung và kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam nói riêng. Từ đó sinh viên có nhận thức đúng đắn, tin tưởng vào chủ trương xây dựng và phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam.

2.6.89. [1130235], [Đảng lãnh đạo sự nghiệp đổi mới – thực tiễn và nhận thức lý luận], [2 TC]

Trên cơ sở kế thừa kiến thức của các học phần cơ sở (Triết học Mác - Lênin, Kinh tế chính trị Mác - Lênin, Lịch sử ĐCS Việt Nam; Tư tưởng Hồ Chí Minh...), học phần này cung cấp cho người học kiến thức tổng quát về công cuộc đổi mới của nước ta dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam. Người học sẽ được giới thiệu cơ bản về tính tất yếu của công cuộc đổi mới, nội dung đường lối đổi mới và quá trình thực hiện, bổ sung, phát triển đường lối đổi mới. Từ đó tổng kết, đánh giá thành tựu, hạn chế và bài học của công cuộc đổi mới - xét cả khía cạnh thực tiễn và nhận thức lý luận.

2.6.90. [1130361], [Giáo dục pháp luật ở trường phổ thông], [2 TC]

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về hoạt động giáo dục pháp luật đối với học sinh ở bậc phổ thông, nhận thức được tầm quan trọng, ý nghĩa của hoạt động này đối với việc giáo dục học sinh phổ thông. Trên cơ sở đó xác định những nội dung pháp luật cần thiết phải trang bị đối với học sinh phổ thông, phương pháp giáo dục pháp luật phù hợp với học sinh phổ thông và trang bị được những kỹ năng cơ bản để tuyên truyền, phổ biến pháp luật ngoài giờ lên lớp, giúp học sinh phổ thông nắm bắt tốt hơn kiến thức pháp luật và thực hiện đúng pháp luật trong cuộc sống hàng ngày.

2.6.91. [1130238], [Hồ Chí Minh với công tác giáo dục], [2 TC]

Nội dung học phần khái quát hoạt động của Hồ Chí Minh trong việc xây dựng nền giáo dục Việt Nam như xây dựng nguyên lý giáo dục, ban hành những quyết sách giáo dục, và chỉ đạo việc thực công tác giáo dục trong thực tiễn. Đồng thời, nêu ra những vấn đề lý luận cơ bản

trong quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò của giáo dục; nội dung, hình thức và phương pháp giáo dục

Bình Định, ngày 21 tháng 8 năm 2020

TRƯỞNG KHOA



TS. Trần Đình Lương

TP. ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

HIỆU TRƯỞNG

Đỗ Ngọc Mỹ
Là xâu lư



PGS.TS. Đỗ Ngọc Mỹ